

## “NHÂN VỊ YÊU” TRONG “ĐI QUA THƯƠNG NHỚ” CỦA NGUYỄN PHONG VIỆT

Nhận bài:

15 – 04 – 2020

Chấp nhận đăng:

10 – 09 – 2020

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Bùi Bích Hạnh<sup>a</sup>, Trần Hải Dương<sup>a</sup>

**Tóm tắt:** Tình yêu là mối *tương giao* huyền nhiệm của *tôi* cùng *tha nhân* trên cơ sở tôn trọng *nhân vị*. Trong bối cảnh “giao tiếp nhân vị” có nguy cơ nhạt nhòa do *thời gian sống trải* của con người bị “ngẫu nhiên” bởi *thế giới ảo*; trong tình cảnh *nàng thơ* dường như đang phải chịu số phận bị thất sủng do sự lên ngôi của các hình thức giải trí “thời thượng”, *Đi qua thương nhớ* của Nguyễn Phong Việt đã tạo nên hiện tượng có sức “vẫy gọi”. Điều gì đã làm nên cái *Khác* có sức hút *lạ* của những trang thơ tình này? Dưới giác độ tiếp nhận mang tư duy hiện sinh, chúng tôi nhận thấy mật độ dày các *mã hiện sinh* được đan cài xuyên suốt tập thơ tạo nên thế giới tình yêu mang phong cách Nguyễn Phong Việt. Nhà thơ đã “vẽ trái tim” của *Người tình* với nhiều gam màu biến tấu; phác họa một *nhân vị yêu* quyến luyến *ái tình*, quyết *dấn thân* trên hành trình đi tìm tình yêu *tự do* đích thực. *Đi qua thương nhớ* phần lớn là những lời tự sự của *Người tình* đúng chất, hợp thời với thế giới ngôn từ nghệ thuật không gây “sốc” bằng các yếu tố “sex” mà rất dung dị bằng cái nhìn nhân vị.

**Từ khóa:** Đi qua thương nhớ; Nguyễn Phong Việt; mã hiện sinh; nhân vị yêu; ái tình.

### 1. Đặt vấn đề

Tập thơ đầu tay *Đi qua thương nhớ* của Nguyễn Phong Việt là thành quả của năm năm hoạt động thơ ca “nghịệp dư” (anh tự nhận) trên các trang mạng xã hội. Nó tạo nên hiện tượng xuất bản “đình đám”. Hơn 60 bài thơ là những câu chuyện tình yêu của một *Người tình* say mê, đắm đuối; dấn thân đam mê, khẳng định địa vị của *ái tình* trong cuộc đời. Một *nhân vị* làm người tình – *nhân vị yêu*. Chỉ viết thơ tình, cũng là một lựa chọn độc đáo. Thơ và Tình đều là những đỉnh cao của cái *Đẹp*. Trong những biểu hiện của đời sống tình cảm tâm hồn, tình yêu tha nhân là “hình thức tinh thần cao quý nhất” (Trần, 2015, 291). *Đi qua thương nhớ* phần lớn là lời tự sự của *Người tình* đậm chất suy tư nội tâm, mang hơi thở của cuộc sống hiện đại, “đúng chất” *ái tình* của giới trẻ thế hệ 7x - 9x. Thơ tình Nguyễn Phong Việt xếp lớp bề bộn toan tính mưu sinh của cuộc đời vô thường. Ngôn từ nghệ thuật thơ Phong

Việt không gây “sốc” bằng các yếu tố “sex” mà rất hiện sinh với cái nhìn nhân vị.

Thực tế tâm thức hiện sinh có thể được xem là cái vốn có trong đời sống văn hóa, văn chương nghệ thuật của người Việt. Đối với người nghệ sĩ, các phạm trù hiện sinh, ít hay nhiều, cũng đã thành những “kí hiệu Đạo người” có tính *cổ mẫu văn hóa*<sup>1</sup> trong vô thức sáng tạo. Chúng tôi tạm gọi những yếu tố ngôn ngữ *có tính cổ mẫu văn hóa* bắt nguồn hoặc giao thoa với tư duy hiện sinh này là những *hiện sinh* – mã ký hiệu văn chương nghệ thuật chịu sự chi phối của tư tưởng hiện sinh, in dấu trong sáng tạo của người nghệ sĩ. Với những chuyển biến tất yếu của lịch sử, xã hội giai đoạn hậu chiến - đổi mới, nhất là những năm 90 thế kỉ XX trở lại đây, văn học Việt già từ đại tự sự để trở về với số phận con người. Tư duy hiện sinh lại có điều kiện hồi sinh, chi phối sâu sắc trong sáng tác nghệ thuật. Thực ra, sáng tác văn chương và triết học hiện sinh vốn gốc rễ

<sup>a</sup>Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

\* Tác giả liên hệ

Bùi Bích Hạnh

Email: [bbhanh@ued.udn.vn](mailto:bbhanh@ued.udn.vn)

<sup>1</sup>Về kí hiệu Đạo người, *cổ mẫu văn hóa*, xin xem thêm (Lê, 2019, 24-32).

đã có chung giao điểm đó là đời sống con người. Nói như Trần Đình Sử, bản chất của văn học nghệ thuật vốn “là sự miêu tả các trạng thái hiện sinh của con người” (Trần, Đ. S., 2016). Nói khác đi, các *mã hiện sinh* đã trở thành các *mã* (ký hiệu) *nghệ thuật* mà tất yếu người nghệ sĩ phải cần đến khi muốn đề cập đến thân phận con người trong môi trường văn hóa cụ thể. Như vậy là “ngay từ khi đặt bút viết, nhà văn đã được “nhúng” trong các “mã văn hóa” cụ thể và nhiệm vụ của hắn ta là sáng tạo trên nền các “mã kí hiệu” hầu như đã được định hình từ trước đó.” (Lê, 2019, 56).

Vốn “ký hiệu là một dạng kiến tạo”, “thông thường là kiến tạo của kiến tạo, tức là dựa vào cái đã được kiến tạo để kiến tạo cái khác. Vật được kiến tạo đầu tiên được xem là vật tạo tác (artifact). Vật tạo tác là một mặc định” (Lê, 2019, 49). Từ quan niệm về *vật tạo tác* này, mỗi một phạm trù hiện sinh có thể là làm thành một cơ chế *tạo tác* để kiến tạo nên một *mã mới*. Chúng tôi mặc định các phạm trù hiện sinh cơ bản (chẳng hạn: *nhân vị, tha nhân, liên chủ tính, thông giao, dự phóng...*) là các mã gốc, có sức ôm chứa các ý nghĩa hiện sinh. Mỗi một phạm trù hiện sinh có thể là một mã nghệ thuật nhưng đồng thời cũng là mã gốc để gom (trường nghĩa) các *mã hiện sinh* liên đới (chúng tôi tạm gọi là *mã con*). Lấy một ví dụ: phạm trù hiện sinh *ái tình* có thể là mã con của phạm trù *liên chủ tính* nhưng đồng thời là mã gốc của rất nhiều *mã hiện sinh* (mã con) như: *nhân tình, truy nhận, dự lẩn, khổ đau...* Bản thân các *ký hiệu nghệ thuật* vốn có “tính mở”, “chuyển nghĩa”, do đó có thể tạo nên các nghĩa phái sinh ngay trong quá trình lĩnh hội - giải mã. Đây thực chất là quá trình mặc định ký hiệu, tức “chiếm hữu từ hư vô” một ý nghĩa, tiến đến “hợp thức hóa tri thức và kinh nghiệm từ phía cộng đồng<sup>2</sup>” để tạo nên một *mã ký hiệu* mới. Cơ chế này sẽ làm tăng thêm cơ hội đồng sáng tạo.

---

<sup>2</sup>“Từ cái nhìn triết học, quá trình mặc định ký hiệu thực chất là sự “chiếm hữu” từ hư vô, tiếp đến (hoặc cùng lúc) là xác định “nghĩa” và định “danh”. Quá trình này ban đầu bộc lộ cái tôi chủ quan của con người. (...) Nhưng sau đó đề, để xác thực “cái được chiếm hữu” thì cần đến sự hợp thức hóa tri thức và kinh nghiệm từ phía cộng đồng. Lúc này, sự tiếp nhận của cộng đồng đóng vai trò vô cùng quan trọng và nguyên tắc trò chơi luôn được vận dụng để bảo tồn “cái được chiếm hữu” kia.”. Xin xem thêm (Lê, 2019, 50).

Xét về phương diện tiếp nhận văn chương, mỹ học tiếp nhận mang tư duy hiện sinh sẽ chịu chi phối sâu sắc bởi các mã hiện sinh, dù là chủ đích hay vô thức, được cài đặt trong tác phẩm. Điều này đúng với quy luật tiếp biến, giao thoa và hành dụng ngôn ngữ. Ban đầu, do tính đồng quy của “cái được biểu đạt”, các nhà dịch thuật đã sử dụng những từ ngữ có tính tương đồng/ tương đương về ngữ nghĩa để dịch các khái niệm của chủ nghĩa hiện sinh (đĩ nhiên là cấp cho nó một hoặc nhiều “nghĩa biểu đạt mới” phù hợp với môi trường văn hóa tiếp nhận). Trải qua quá trình xâm lấn với tư cách triết thuyết hay cả xâm lấn vô thức, những phạm trù hiện sinh đã được cộng đồng người Việt thấu nạp, trong diễn ngôn đời sống và diễn ngôn văn chương. Chẳng hạn, những phạm trù hiện sinh như *hiện tồn, hư vô, dẫn thân, lưu dầy, tha nhân, nhân vị...* đã trở nên quá quen thuộc của Việt ngữ, nhất là thế hệ mang mặc cảm “bị ruồng bỏ” của miền Nam. Đến lượt mình, với “tính cá nhân độc đáo”, người nghệ sĩ vận dụng và cấp cho chúng thêm các nghĩa hư cấu mang “tính hình tượng” theo “nguyên tắc của cái đẹp”. Tuy nhiên, ngôn từ, văn bản cũng chỉ là “bộ khung xương”, người đọc với kinh nghiệm đời sống và kinh nghiệm thẩm mỹ đã bồi đắp cho bộ khung xương ấy trở thành một sinh thể sống” (Đỗ Lai Thúy). Người đọc “chủ yếu là diễn giải/ dịch văn bản, tức giải cấu trúc văn bản, tức khoái lạc văn bản”. Vì thế “ở mỗi người đọc đều có một tác phẩm khác nhau” (Đỗ, 2020, 71). Đối với *mã nghệ thuật (mã hiện sinh)*, sự tiếp nhận của mỗi độc giả cũng chỉ mang tính tương đối, vì mỗi tiếp nhận có thể cấp thêm/ mới “nghĩa” đa cấp cho *mã*.

Qua khảo sát 20 thi phẩm trong phần đầu tập thơ *Đi qua thương nhớ* của Nguyễn Phong Việt, chúng tôi nhận thấy nhà thơ thường sử dụng với mật độ dày các yếu tố ngôn ngữ ứng khớp với các mã hiện sinh (cụ thể có 31 phạm trù hiện sinh tương ứng, tiêu biểu như: *số mệnh, thông giao, ái tình, dự phóng, dẫn thân, khổ đau, tuyệt đối, tự quyết, ưu tư, phản tình, tự do, ruồng bỏ...*; với 168 mã hiện sinh (mã con) và tổng cộng 1027 lần nhà thơ sử dụng các mã nghệ thuật này). Kết quả khảo sát ban đầu này đã cho thấy tần suất sử dụng các *mã hiện sinh* trong sáng tác của Nguyễn Phong Việt là rất cao. Đặc điểm này được thể hiện trong cả tập thơ này và những tập thơ sau của anh. Có rất nhiều bài thơ các *mã hiện sinh* xuất hiện trên 50% tổng số các từ ngữ được vận dụng. Đây có thể là một trong những yếu tố làm nên

đặc trưng phong cách thơ Nguyễn Phong Việt: *thơ tình đậm chất trải nghiệm hiện sinh, đi tìm ý nghĩa nhân sinh qua những câu chuyện tình yêu thắm đẫm hơi thở đời sống hiện đại* của thể hệ 7x - 9x?

Có thể nói, hướng tiếp cận từ lí thuyết hiện sinh (liên kết hiệu với các mã nghệ thuật khác) sẽ giúp cho việc tìm hiểu, giải mã thấu đáo *nhân vị yêu* trong thơ Nguyễn Phong Việt. Ngôn từ nghệ thuật mang tư duy hiện sinh định vị một *nhân vị yêu* độc đáo, là một trong những yếu tố “trội” góp phần tạo nên nét đặc trưng riêng của thơ tình Nguyễn Phong Việt. Vậy thực ra có cái *Khác* nào trong dòng thơ tình đương đại đã được định hình ở *Đi qua thương nhớ*?

## 2. “Nhân vị yêu” – mối tương giao huyền nhiệm với tha nhân

Hiện sinh là triết học nhân vị, triết học bàn về chủ thể con người, “chủ thể tri thức là chính nhân vị con người”. “Nhân vị - đó là việc xác lập “ngôi thứ của con

người trong vũ trụ, vị thế của con người giữa nhân gian và cách con người lập nhân giữa tha nhân”. Xuyên suốt tập thơ *Đi qua thương nhớ* có một chủ thể trữ tình - *Người tình* luôn khẳng định vị thế của *cái tôi* trân trọng từng giây phút được yêu; chấp nhận trả giá để *sống trải* trong tình yêu, luôn phản tư và tự thức lí giải ý nghĩa đích thực của *ái tình*, tức mối *thông giao* mẫu nhiệm với tha nhân. Chúng tôi gọi năng lực giao cảm *nhân vị*, mối tương thông ái tình kì diệu này là “nhân vị ái tình”, nói gọn hơn là “nhân vị yêu” (Cố nhiên, ái tình là mối giao tiếp “nhân vị đồng tình” diễn ra trong phạm vi tình cảm phong phú: tình huyết thống, tình đồng loại, tình cảm giới... Ở đây, chúng tôi chỉ xét trong phạm vi hẹp của tình cảm giới - tình yêu đôi lứa, tình yêu nam nữ). Một *nhân vị* quyết *dấn thân* đến cùng trên hành trình đi tìm một tình yêu đích thực. *Cái tôi nhân vị* trước hết thể hiện ở số lượng các đại từ *tôi/ ta/ mình* xuất hiện với tần số dày. Trích từ khảo sát như đã trình bày ở trên, kết quả như sau:

Phạm trù HS	Mã con	Thi phẩm vận dụng	Tổng số lần vận dụng
<b>nhân vị</b> (chủ thể tính - tôi)	người (ngôi 1)	<i>Ở lại đi</i> (3), <i>Cần được sinh ra thêm LẮN NỮA</i> (14),	17
	ta	<i>CHƯA</i> bao giờ và <i>KHÔNG</i> bao giờ (4), <i>Nếu KHÔNG MUỐN</i> đi hết con đường (7), Ngoài <i>GIÔNG BÃO</i> (4), Bên kia là <i>NẮNG ẤM</i> (5), Bởi vì <i>KHÔNG THỂ</i> quên (8), <i>CẦN MỘT NGƯỜI</i> mua giùm viên kẹo (1) (13), <i>Chỉ cần được thấy người cười vui</i> (3), <i>Cho những trái tim vẫn Ở LẠI</i> chốn này (8), <i>Có phải chúng ta đang tự ĐÁNH MẮT ĐI</i> một quãng đời (2), <i>Còn bao nhiêu lần trong đời SẼ GẶP LẠI NHAU</i> nữa đây (4), <i>Đã từng</i> (7), <i>Còn bao nhiêu lần trong đời SẼ GẶP LẠI NHAU</i> nữa đây (5), <i>Đã ĐI QUA</i> thương nhớ (1), <i>Đã từng</i> (8),	75
	bản thân	<i>Cho những trái tim vẫn Ở LẠI</i> chốn này (1),	1
	mình (ngôi 1)	<i>Chỉ có NHỮNG CHIẾC LÁ</i> mới biết (1), <i>Nếu KHÔNG MUỐN</i> đi hết con đường (4), Bên kia là <i>NẮNG ẤM</i> (2), Bởi vì <i>KHÔNG THỂ</i> quên (2), <i>CẦN MỘT NGƯỜI</i> mua giùm viên kẹo (1) (6), <i>CẦN MỘT NGƯỜI</i> mua giùm viên kẹo (2) (18), <i>Cần được sinh ra thêm LẮN NỮA</i> (1), <i>Cho những trái tim vẫn Ở LẠI</i> chốn này (5), <i>Có một chiếc xích đu Ở ĐẦU ĐÓ</i> trong cuộc đời này (5), <i>Có phải chúng ta đang tự ĐÁNH MẮT ĐI</i> một quãng đời (4), <i>Còn bao nhiêu lần trong đời SẼ GẶP LẠI NHAU</i> nữa đây (6), <i>Còn bao nhiêu lần trong đời SẼ GẶP LẠI NHAU</i> nữa đây (1), <i>Đã từng</i> (2),	57

Như vậy có 75 lần đại từ *ta* và 57 lần đại từ *mình* (ngôi 1) được sử dụng. Thi thoảng Nguyễn Phong Việt sử dụng cách xưng hô bằng “V”, đây là một cách “lấy những dữ liệu đời tư cá nhân để tham chiếu vào tác phẩm” (Trần Huyền Sâm): *Tình có ngày như thế/ một người con gái cầm tay tôi rất khê/ “V không phải là lựa chọn của cuộc đời tôi!”/ (...)/ “V. không phải là người xứng đáng với tôi!”/ “V. không đủ sức mang lại hạnh phúc cho tôi!”/ “V. không phải là lựa chọn của đời tôi!”* (TÙNG CỐ ngày như thế<sup>3</sup>); *ước chi con người ấy chỉ hỏi han một câu đơn giản nhất / - V sống có vui không? (Rồi SẼ ĐẾN LÚC còn cần phải trở về)*... Cách xưng hô này càng tăng cường tính xác thực của cái *tôi - nhân vị yêu* - chủ thể tác giả; nhà thơ đã thuyết phục người đọc rằng anh đang tự thuật câu chuyện tình yêu của chính đời mình.

Tình yêu là một “huyền nhiệm”. Chính *tình yêu tha nhân* là điều thay đổi kì diệu cuộc sống này. Vì xem mọi nhu cầu về giao cảm nhục tình – nhục thể giữa tha nhân (giao tiếp giống giới) là tội lỗi nên các triết học tôn giáo cổ xưa đều tìm cách tu thân khắc kỷ, ép chế thân xác, nhằm mục đích hướng thượng. Ngược lại, hiện sinh là triết học về thực hành đời sống, nó ca ngợi tình yêu. “Tình yêu là qui chế xã hội của con người: mỗi người phải lấy tình yêu đích thực cư xử với tha nhân...” (Trần, 2015, 297). Tình yêu vì thế là một trong những *mã hiện sinh* cơ bản trong tư tưởng của các triết gia hiện sinh.

Tình yêu chính là đề tài muôn thuở có sức quyến rũ, hấp dẫn mọi thi nhân. Chỉ ít nhà thơ nào cũng có đôi ba câu tâm đắc về tình yêu. Trong thơ đương đại Việt Nam, Nguyễn Phong Việt tự nhận mình là “thi sĩ nghiệp dư” đến với thi ca là vì tình yêu. Thơ ca là một kênh *thông giao* mẫu nhiệm của tình yêu. Về bản chất, hầu như các bài thơ trong tập *Đi qua thương nhớ* đều trực tiếp/ gián tiếp giải bày *ái tình*. Vì thế, thực chất các mã hiện sinh đều xoay quanh phạm trù hiện sinh chính này. Số lượng các mã hiện sinh về chủ đề *ái tình* chiếm tỉ lệ ấn tượng. Điều này càng cho thấy tính tập trung chủ đề *tình ái* của tập thơ. Dĩ nhiên, tình yêu là sản phẩm của *thông giao nhân vị*. Chỉ khi ý thức sâu sắc về “địa vị làm người”, tức nhân vị, của bản thân mình và “tôn trọng địa vị làm người của tha nhân”, tức năng lực *truy nhận*, anh mới có thể đến với tình yêu đích thực. Tương ứng với mật độ dày của mã hiện sinh xác lập *nhân vị yêu* (ngôi thứ 1) trong *Đi qua thương nhớ*, Nguyễn Phong Việt đã dùng rất nhiều cách gọi khác nhau đối với *Người tình* thể hiện mối tương liên (*liên chủ tính*) giữa *tôi* và *tha nhân*. Kết quả khảo sát việc sử dụng các mã con của phạm trù hiện sinh *tha nhân* (qua 20 thi phẩm đã nói ở trên) như sau:

<sup>3</sup>Thơ dẫn trong tập *Đi qua thương nhớ* chúng tôi đều trích từ (P. V. Nguyễn, 2015a).

Phạm trù HS	Mã con	Thi phẩm vận dụng	Tổng số lần vận dụng
tha nhân	người (ngôi 2)	<i>KHÔNG PHẢI LỖI</i> của hoa hồng vàng (2), <i>CHƯA</i> bao giờ và <i>KHÔNG</i> bao giờ (1), <i>Nếu KHÔNG MUỐN</i> đi hết con đường (7), <i>Mỗi</i> ngày (1), <i>Bên kia là NẮNG ẤM</i> (3), <i>Bởi vì KHÔNG THỂ quên</i> (5), <i>CẦN MỘT NGƯỜI</i> mua giùm viên kẹo (1) (5), <i>Cho những trái tim vẫn Ở LẠI</i> chốn này (1), <i>Có một chiếc xích đu Ở ĐÁU ĐÓ</i> trong cuộc đời này (15), <i>Chỉ cần ĐƯỢC THẤY</i> người cười vui (1), <i>Còn bao nhiêu lần trong đời SẼ GẶP LẠI NHAU</i> nữa đây (9), <i>Đã từng</i> (7),	57
	người ấy/ người khác/ người kia	<i>Ngoài GIỒNG BÃO</i> (4), <i>Bởi vì KHÔNG THỂ quên</i> (3), <i>Cho những trái tim vẫn Ở LẠI</i> chốn này (1), <i>Có phải chúng ta đang tự ĐÁNH MẤT ĐI</i> một quãng đời (1), <i>Còn bao nhiêu lần trong đời SẼ GẶP LẠI NHAU</i> nữa đây (1), <i>Đã từng</i> (1),	11
	tình nhân	<i>KHÔNG PHẢI LỖI</i> của hoa hồng vàng (1),	1

người yêu thương	<i>Cho những trái tim vẫn Ở LẠI chốn này (1),</i>	1
người con gái	<i>KHÔNG PHẢI LỖI của hoa hồng vàng (13), Ở lại đi (3), Mỗi ngày (2), TÙNG CÓ ngày như thế (1),</i>	19
con người/ mọi người/ người / con người ta/ người ta	<i>Ngoài GIÔNG BÃO (1), Bên kia là NẮNG ẤM (2), Bởi vì KHÔNG THỂ quên (3), CẦN MỘT NGƯỜI mua giùm viên kẹo (1) (1), CẦN MỘT NGƯỜI mua giùm viên kẹo (2) (11), Đã ĐI QUA thương nhớ (2), Có phải chúng ta đang tự ĐÁNH MÁT ĐI một quãng đời (1),</i>	21
ai/ ai khác	<i>Nếu KHÔNG MUỐN đi hết con đường (4), Ngoài GIÔNG BÃO (1), Bên kia là NẮNG ẤM (1), Bởi vì KHÔNG THỂ quên (3), CẦN MỘT NGƯỜI mua giùm viên kẹo (1) (1), CẦN MỘT NGƯỜI mua giùm viên kẹo (2) (2), Cần được sinh ra thêm LẦN NỮA (3), Có một chiếc xích đu Ở ĐẦU ĐÓ trong cuộc đời này (1), Có phải chúng ta đang tự ĐÁNH MÁT ĐI một quãng đời (4), Còn bao nhiêu lần trong đời SẼ GẶP LẠI NHAU nữa đây (1), Đã ĐI QUA thương nhớ (2),</i>	23
mình (ngôi 2)	<i>Bên kia là NẮNG ẤM (1), Bởi vì KHÔNG THỂ quên (3),</i>	4
họ	<i>CẦN MỘT NGƯỜI mua giùm viên kẹo (2) (1), Có phải chúng ta đang tự ĐÁNH MÁT ĐI một quãng đời (1),</i>	2

Tổng cộng có đến 139 lần Nguyễn Phong Việt sử dụng các đại từ hướng đến *tha nhân* (đó là chưa kể các từ ngữ có thể khuôn vào phạm trù *liên chủ tính* như *chúng ta, nhau, thuộc về...*). Điều này cho thấy mối *tương giao nhân vị* sâu sắc. Mối *tương giao* với *tha nhân* trong *ái tình* được nhà thơ soi ngắm ở nhiều cung bậc cảm xúc phong phú, vi diệu.

Đầu tiên, để có năng lực của một *nhân vị yêu*, tôi và *tha nhân* cần có duyên *gặp gỡ*, cần có cái cơ để quen thân. *Gặp gỡ* là “điều kiện sơ đẳng của mỗi giao tiếp giữa người và người”. Nếu nói bằng ngôn ngữ của đời sống cái duyên *gặp gỡ*, cái cơ làm quen đây chính là “hữu duyên thiên lí năng tương ngộ...”. “Cho hay, mọi sự tại thái độ của ta: *tha nhân* ở ngay trước mắt ta, mà ta không gặp.” (Trần, 2015, 290). Tình yêu là huyền nhiệm đầy bí ẩn, *gặp gỡ* và yêu nhau thường được cho là do tiền định: *Là định mệnh ngẫu nhiên chọn ta giữa muôn triệu người để thử thách/ tin một người ở trong tim như ta từng có chấp/ tin một nụ hôn duy nhất ở giữa trời và đất/ (Đừng trách)*. Kẻ si tình trong địa đàng tình ái, xem tình yêu là tuyệt đối số mệnh, là *duy nhất chân*

*lí*. Niềm tin của *nhân vị yêu* đây có lẽ chỉ có thể so sánh với đức tin của *con chiên* ngoan đạo. Ngay cả khi vỡ mộng, thất tình, kẻ tình si vẫn quyết đắm mê, chấp nhận dần thân: *Đừng trách/ nếu ta tự nhủ mình vẫn tin vào phép màu/ khi ai đó không chọn lựa ta nghĩa là ta thuộc về một lựa chọn khác/ (...)* Nghĩa là tình yêu trong ta chỉ mới bắt đầu cuộc hành trình dài được vài bước (*Đừng trách*). Mã hiện sinh dần thân, chọn lựa xuất hiện khá dày trong thơ Nguyễn Phong Việt. Đây cũng là một nét lạ thể hiện nhân cách đẹp của *nhân vị yêu* trong thơ anh. Vì rằng tình yêu là hiện tượng “giao tiếp nhân vị” có “tính chất đồng tình”, “là mối cảm thông hai chiều: cả hai người cùng coi nhau là nhân vị” (giao tiếp nhân vị thiếu đồng tình sẽ là những giao tiếp vô nhân đạo hoặc chỉ là ảo mộng, phi lý...). Như thế đồng cảm, tương giao là những năng lực cần có của những “nhân vị tình yêu” làm nên “huyền nhiệm tình yêu”.

*Nhân vị yêu* trong *Đi qua thương nhớ* yêu say mê và đầy tự trọng, không muốn phiền lụy người mình yêu. *Đừng trách* nếu đã yêu và nếu tan vỡ, hãy quyết tâm tiếp tục hành trình đi tìm một nửa đích thực của đời

mình. Đây có lẽ là suy niệm của một *Người tình* có trái tim chân tình, từng trải trong ái tình, đã đi qua và biết trân trọng *thương nhớ* vẫn vững tin vào phép nhiệm màu của ái tình: *Sao không cho ta thêm một cơ hội để định mệnh giúp ta gặp đúng một con người?* (*Đừng trách*). Được gặp gỡ và nhen lên niềm yêu mến *tha nhân* là một trải nghiệm quý giá của bất cứ ai. Bởi con người, từ thuở kì thủy của sự sống, không thể sống tách biệt. “Truy nhận” và “tình yêu tha nhân”, là cốt lõi làm nên giá trị hiện sinh của một nhân vị<sup>4</sup>. Sự giao tiếp cảm thông giữa hai nhân vị này là một biểu hiện độc đáo của “dự phóng thông cảm” (chữ dùng của Sartre). Cũng bởi vì, “tình yêu bao giờ cũng có tính cách bỏ tức. Hai người yêu nhau, càng cảm thấy những đức tính cao quý nhau, càng nhận ra những cái mình không có và người yêu có thừa...” (Trần, 2015, 291).

Tình yêu là nỗi nhớ khi xa nhau vốn là một thi tài đặc sắc của thơ ca xưa nay. Tuy nhiên, trong *Đi qua thương nhớ* cảm xúc tương tư không phải là tổ tính trội, thi thoảng rải rác vài ý thơ. Thời đại công nghệ, xa nhau cách mấy cũng gần nhau qua màn hình phẳng - có phải là lời giải thích thỏa đáng cho đặc tính này? Hay Nguyễn Phong Việt không chuộng cái “gu” tình yêu đơn phương, yêu một chiều? Để minh xác, điều này cần có những khảo sát sâu hơn.

*Đám cưới* là cái đích mong chờ, là *dự phóng* của mọi đôi tình nhân yêu nhau say đắm, chân thành. *Đi qua thương nhớ* có chùm bài thơ *Đám cưới* (gồm 4 bài). *Đám cưới (1)* có lẽ là cảnh đối thoại của hai người tình nhân ở điểm cuối con đường tình: một người đã *đưa ra quyết định chỉ trong một phần ngàn giây, rằng từ đây chỉ được yêu thương một người duy nhất*. Một người gắng gượng hỏi (hay tự hỏi) *có niềm tin vào cái nắm tay, tin là không còn mắc nợ với người đang đứng trước mặt*. *Đám cưới (2)* lại là những giây phút **phản tỉnh** của người trong cuộc *đám cưới* tràn đầy tin yêu và mãn nguyện. *Đám cưới (3)* lại là những khoảnh khắc bi kịch của kẻ thất tình nhìn người yêu *đám cưới*: *Vì một niềm tin mà người dở sống dở chết/ (...)/ vì một niềm tin mà cảm lạnh bấu tay vào mắt mình ngăn đùng khóc/ ngày đám cưới của một người...* (P. V. Nguyễn, 2015, 94).

<sup>4</sup>“Truy nhận và kính yêu tha nhân là những tư tưởng đặc biệt của triết Marcel” (Trần, 2015, 288-289).

Tuy vậy, cái cảm giác đau đớn, vỡ mộng tình yêu trong thơ Nguyễn Phong Việt không đậm sắc điệu quất quay, đốn đau, róm máu; mà là những khoảnh khắc *soi vào* nội tâm của một kẻ si tình đã thực sự bình tâm khi *đi qua thương nhớ* dù vẫn khôn nguôi nhớ về: *Ta có ngồi bên thêm nhà với bàn tay ôm lấy mặt để chờ mong?/ có đắp chăn lên mắt xin cho mình tách ra khỏi thế giới?/ có đi rửa sạch tay, lau bờ mi và thay áo mới?* (P. V. Nguyễn, 2015, 95). Ngay người ấy *đám cưới* có một kẻ thảng thốt tự hỏi không biết sẽ phải làm gì cho hết ngày: *ngồi bên thêm, ôm lấy mặt hay rửa tay, hay cuộc tròn cô đơn...* Vẫn biết đây vẫn là cái *ra ngán* vào *ngơ*, *như đứng đống lửa, như ngồi đống than* tự thuở ca dao. Nhưng cái chênh vênh, phân thân nửa trong nửa ngoài cuộc *đám cưới*, cái nghiệm suy về ý nghĩa *ái tình* của một người đã vượt lên giông bão đầu đời, *tình ngộ* qua *truy nhận* với *tha nhân* mới khiến người đọc da diết. *Đám cưới (4)* quay trở lại niềm tự tin, hạnh phúc của người trong cuộc: *Ngày chúng ta làm đám cưới... biết chắc phải làm đau một người* (P. V. Nguyễn, 2015, 97) và có lẽ *sẽ thiếu một lời chúc*. Nhưng khép lại bài thơ vẫn là điểm nhìn của người ngoài cuộc cầu chúc cho người trong cuộc: *Ngày người này và người kia làm đám cưới/ chỉ xin không phải là ngày đầu tiên mới biết yêu thương vừa bắt đầu* (*Đám cưới (4)*). Đó là lời cầu chúc của một người đã thấu hiểu lẽ thường nhân thế: *có hội ngộ sẽ có chia ly*. Cái ý vị nhân văn này là một nét đẹp trong thơ tình Nguyễn Phong Việt. Sử dụng đa điểm nhìn để suy nghiệm về ái tình cũng là một kỹ thuật mang tính hiện đại, người đọc sẽ tự *dấn thân* vào bối cảnh đối thoại để tự soi ngắm mình.

“Mỗi nhân vị là một **độc đáo**”. Khi yêu, *Người tình* luôn khao khát đi tìm cái đẹp riêng, khẳng định *một nhân vị yêu độc đáo*, không trộn lẫn. Tình yêu đích thực vì thế cũng là *một độc đáo*: *Ta không hề muốn sống cuộc đời của những mẫu số chung/ yêu một người và lấy một người khác...* (*Bởi vì KHÔNG THỂ quên*). Yêu một người và lấy một người khác, có lẽ là quan niệm tình yêu không gắn liền với hôn nhân, mặc nhiên trở nên phổ biến trong thời buổi kim tiền? *Nhân vị yêu - Người tình* si trong thơ Nguyễn Phong Việt không muốn tình yêu của mình cũng rơi vào cái *mẫu số chung* đông đảo, thường tình kia, quyết đi tìm một tình yêu gắn bó cùng cuộc đời. Tuy nhiên người tình thủy chung đôi khi đồng nghĩa với việc ích kỉ không muốn *tha nhân* giành lấy trái tim của *Người tình*: *Có một người trao cho ta chiếc chìa*

khóa mở cánh cửa một ngôi nhà/ có một người trao cho ta chiếc nhẫn để đo niềm tin cả lòng thủy chung/ có một người trao cho ta nụ hôn và duy nhất một ý nghĩ/ - *Đừng yêu ai khác nữa được không? (Đám cưới)*. Đám cưới là điểm khởi đầu của một chặng đường chung đôi mà nhân vị yêu không muốn Người tình còn nhớ đến ai: *Khi ta chọn dừng lại để biết như thế nào là sự chia sẻ nhớ nhung/ có người đợi ta cùng ăn những bữa cơm đã nguội/ (...)/ có người đặt đôi tai và ngực trái ta rồi nói/ - Đừng để ai khác chạm vào nữa được không? (Đám cưới)*. Giữ trái tim Người tình cho riêng mình, xét đến cùng cũng là biểu hiện mãnh liệt của *truy nhận* với tha nhân.

“Hiện sinh là hiện hữu” (Marcel). “Hiện hữu đã dắt con người lên con đường tự do chân chính và đích thực; hiện hữu lại dẫn con người đến chỗ gặp nhau trong niềm tin tưởng (...); cuối cùng hiện hữu đã giúp con người khám phá ra bản tính đích thực của tình yêu.” (Trần, 2015, 293). Vì rằng, nguồn gốc sâu thẳm của Tình yêu vốn là tiếng gọi mẫu nhiệm của sinh tồn. Kết quả chín muồi của một mối tình là khởi đầu cho một sự sống mới: *ngày con sinh ra đời/ cũng là ngày con thấy mình trở thành chiếc chuông gió trong cuộc đời mẹ cha! (Ngày con sinh ra đời (1))*. Con luôn là sự trường sinh tiếp nối của cha và mẹ. Và đó là giá trị nhân bản cốt lõi của *ái tình*: khởi thủy hiện sinh. “Đúng ra phải coi cái lúc mà đôi cha mẹ bắt đầu yêu nhau là lúc chớm nở kì thủy của một cá nhân mới và là điểm lộ (*punctum saliens*) của đời sống (...) chính trong khi bốn mắt giao nhau đầy khát vọng và quyến luyến lấy nhau là khi con người mới nảy mầm...” (Schopenhauer, 2014, 49-50). Trái tim vì thế không chỉ là biểu tượng của tình yêu, nó còn là biểu tượng của sự sống: *Những ngày bình thường/ chúng ta vẽ trái tim với đúng hình dáng thân quen/ cùng nhịp đập sáng trưa chiều tối/ những yêu thương không cần phải vội/ những quan tâm không cần phải nói (Vẽ TRÁI TIM)*. Yêu đối với người trẻ tuổi thường chất ngất men say và thoảng trong đó là ngọn gió bông bột, bất chấp. Cái *tôi* cá nhân, cái *nhân vị* quyết bảo tồn tình yêu trở nên mạnh mẽ. Không thể xem điều đó là giả dối nhưng nó sẽ “giảm trừ”, phai dần theo tháng năm? *Người tình* chân chính không chấp nhận sống như bao người, tự do với những tình “một đêm”, “yêu xã giao”,..., của cái thời đồng tiền lên ngôi.

Nghệ sĩ luôn có điểm tương đồng với các triết gia hiện sinh đó là luôn đề cao những “chân lý nghiệm sinh” đậm tính nhân vị, khác và thường đối lập với cách dùng “chân lý khoa học”, đậm tính dửng dưng. Tình yêu là *chủ quan tính*, sinh tồn không thể vĩnh viễn, nhưng trong mắt *Người tình*, tình yêu là bất diệt: *Những ngày hạnh phúc/ đến những niềm vui cũng dặn ta phải cảm ơn mỗi sớm mai/ còn thức dậy và thấy đời mưa nắng/ tạo sao không thể yêu một người trong tim đến bất diệt (Ngoài GIÓNG BÃO)*. Yêu ai là là muốn cùng nhau đi đến tận cùng của sự sống. Và dự cảm về một tình yêu đến bạc tóc thời gian, những *buổi chiều tà* của cuộc đời: *Có những cái nắm tay cuối đời không biết nói lên được điều gì/ lúc người kia lãng quên và người này còn nhớ/ (...) quen hay lạ thì cái nắm tay cũng đã là một điểm tua/ nhắc nhở mình cần nhau (Chúng ta SẼ ĐI ĐÁU trong những buổi chiều tà)*. Các *mã hiện sinh* trong đoạn thơ góp phần định vị hai *nhân vị yêu* bước những bước chân cuối cùng để đạt đến đích *dự phóng hạnh phúc*: được chết bên nhau. Không rõ để viết những dòng chiêm nghiệm này, Nguyễn Phong Việt đã từng bao lần lang thang bám gót theo những đôi “*nhân tình* tóc bạc lưng cong diu nhau trên phố”, hoặc ngồi lặng bên nhau trong công viên; hay lặng lẽ quan sát một người già giữa sân bệnh viện, mắt dõi xa xăm, đơn côi bao năm vẫn *xin bạc đầu gọi mãi tên nhau* (ý bài *Hạ trắng*, Trịnh Công Sơn)? Mọi thứ rồi sẽ tan biến theo qui luật nghiệt ngã của *thời gian*, đi từ *hur vô* và trở lại *hur vô*. Chỉ có *tình yêu*, cái *Đẹp* sẽ còn mãi với địa đàng này.

Không nhiều, nhưng sự xuất hiện các *mã hiện sinh* thể hiện *nhân vị làm Người Cha/ Người Mẹ* trong *Đi qua thương nhớ* góp phần hoàn thiện vẻ đẹp của *nhân vị yêu* trong thơ Nguyễn Phong Việt. Bắt đầu từ dự cảm - khao khát về những đứa con: *Ta cứ hình dung về ngôi nhà với những đứa con ngày sau/ chúng khóc mà chúng ta phải cười dỗ (Đã đi ĐI QUA thương nhớ)*,...; cho đến lúc chính thức *nhận chức* Người Cha/ Người Mẹ khi con sinh ra đời: *Ngày con sinh ra đời/ (...)/ Những ước mơ được xếp ngay ngắn lại để từ bỏ những chuyến đi dài (Ngày con sinh ra đời (1))*. Kì diệu thay đứa con đã giúp Người Mẹ hoàn thành thiên chức thiêng liêng: *Ngày con sinh ra/ sự dũng cảm đặt vào trong tim mẹ sự mệnh của một người hùng (P. V. Nguyễn, 2015, 107)*. Mẹ bảo vệ *từng giọt nước mắt* của con, gạt bỏ *nỗi sợ hãi*, mẹ là người đầu tiên *nhìn thấy những ác mộng của con*... Con trở thành cứu cánh, trở thành niềm tin, là

điểm tựa của Mẹ, Cha: *lần đầu tiên cha biết quen mình đi trong cuộc đời/ (...)/ lần đầu tiên cha tin vào một điểm tựa/ từ con... (Ngày con sinh ra đời (2))*. Người Cha đã *cám ơn con/ đã đến trong cuộc đời này...* và chuẩn bị cho con rất nhiều dự định, rất nhiều lời nhắn nhủ yêu thương đúc rút từ thăng trầm của đời mình. Cuộc đời là do con sẽ *tự chọn, núi cao hay vực thẳm, tự chọn yêu thương, tự chọn cô đơn, tự chọn cách sống...*

Ở *Đi qua thương nhớ*, còn có một hình ảnh một Người si tình rong chơi giữa cuộc đời, đam mê dần thân theo những Người tình và mãi bị phụ tình, để rồi giật mình *phản tỉnh* mong tìm một nơi tạm dừng chân (*một trạm dừng chân chứ không phải là chốn chôn vùi mình?*). Và hóa ra, chốn tạm dừng chân nghi ngại lí tưởng nhất đó là mái nhà thứ nhất nơi mình được sinh ra: *Về nhà đi/ con đường của đất cát sẽ làm bàn chân ta bớt đau/ mùi hương thơ ấu sẽ mang về một niềm thức khác/ bỏ lại hết những núi cao mây trắng.../ những vực sâu và đá tảng.../ cho một lần thanh thoi (Về nhà đi)*.

“Tình yêu là một huyền nhiệm” ngay cả khi những Người tình đã quyết định rời xa nhau. Đây chính là vẻ đẹp nhân văn của tình yêu đích thực: *Chúng ta đã nhiều lần chết đi dù vẫn đang tồn tại giữa bao người/ khi nhìn thấy nhau nhưng không cách nào bước tới/ khi lướt qua nhau và nghe rõ nhịp tim của người kia đau nhói(...)/ xót xa nào hơn... (Bởi vì KHÔNG THỂ quên)*. Chia tay nhau càng khiến cho mối đồng cảm tương giao giữa đôi tâm hồn thao thiết hơn. Một cảm giác đau đớn nhân văn! Sự đan dày các mã hiện sinh đã cộng hưởng cảm giác *sinh hiện* nhân bản này.

Như vậy là cho dù hạnh phúc hay đau khổ; đang yêu hay đang thất tình; từ lúc *tóc còn đang xanh* cho đến khi *chiều tà lẻ bóng*,..., nhân vật chính của những câu chuyện tình trong *Đi qua thương nhớ* vẫn hằng ý thức sâu sắc ý nghĩa mà *tình yêu* mang đến cho cuộc đời này. Quyết tâm bảo tồn *nhân vị yêu*, luôn *dấn thân* đi tìm một tình yêu đích thực của đời mình là một nét thơ trội góp phần tạo nên đặc trưng của thơ tình Nguyễn Phong Việt.

### 3. Dự phóng hạnh phúc - dự lẩn và níu trì thời gian

Những mã hiện sinh thể hiện chủ đề *dự phóng hạnh phúc* là một nét đậm trong *Đi qua thương nhớ*. Triết gia hiện sinh cho rằng “con người tự tạo nên bản chất mình”. Con người là một dự phóng<sup>5</sup>. Đây là ý

nghĩa sâu xa nhất của dự phóng: con người là “luôn luôn bị ném về phía trước”. Con người tự tạo ra chính mình bằng những dự phóng. Bản chất con người vì thế luôn “ở trước mặt”, tức là cái mà chính chúng ta “nhất thiết sẽ là”. Theo đó, tình yêu chính là một dự phóng lớn lao của đời người. Những người đang yêu luôn đồng tâm hướng về một “tình yêu trong tương lai”, cái mà *tình yêu sẽ là*. Yêu là hi vọng, là hướng đến mái ấm, khao khát được sống trong hạnh phúc. Đó là một *dự phóng về hạnh phúc*. Tình yêu *đích thực* luôn là *dự phóng hạnh phúc*. Bản chất của **dự phóng** trong tình yêu thực chất là **dự lẩn** tương lai, tức là kéo giãn thời gian thực bằng dự cảm được sống trong hạnh phúc ở tương lai: *ta chỉ chọn sống dưới một mái nhà nhiều lối vào và cửa sổ/ những luống hoa hồng vàng rạn rờ/ đêm đêm nhìn trời và đoán một vì sao dành cho chúng ta sẽ hiện rõ/ mọi điều ước mơ? (Đã ĐI QUA thương nhớ)*. Những người đang yêu là đang đi tìm một điểm tựa về tinh thần, mong thỏa khát khao bình yên; tình yêu chính là bến bờ, là chỗ neo đậu nhiệm màu cho *nhân vị yêu*.

*Dự phóng hạnh phúc* là mã hiện sinh “chiếm chỗ” nhiều trong bản đồ ngôn ngữ ở *Đi qua thương nhớ* (trong 20 tác phẩm chúng tôi khảo sát, có đến 31 lần các mã của phạm trù *dự phóng* được sử dụng). “Ưu ái”, lưu tâm nhiều đến phạm trù này đã tạo nên cái chất lãng mạn rất riêng của thơ Nguyễn Phong Việt. Dù những cảnh tượng hạnh phúc tình yêu thơ anh vẽ nên rất gần gũi, giản dị đời thường, ai cũng đã từng nghĩ, từng mơ,... Những giấc mơ tình yêu về *hạnh phúc* với chất giọng tâm tình sâu lắng tạo chất men say ngọt lịm, chinh phục tâm hồn bạn đọc trẻ: *Dừng đi/ cuộc đời khôn khó rồi sẽ qua/ chúng ta sẽ gieo những giận hờn, yêu thương giữa lòng bàn tay số phận/ chúng ta sẽ công những đứa con trên vai mà không bao giờ biết mệt(...)/ chúng ta sẽ ngồi trên xích đu và cùng nhắm mắt/ thấy đời mình như một cách chim... (Dừng đi)*. *Dự phóng* tình yêu đẹp như trong mơ, một ngày mai êm đềm, lãng mạn vốn là một yếu tính của tình yêu đôi lứa. Hơi thở hiện đại của thơ

<sup>5</sup>Heidegger quan niệm con người “có cơ cấu là dự phóng”, bản chất con người là “luôn luôn bị ném về phía trước”. Nhưng dự phóng không những là bản chất của con người mà nó cũng luôn “bị ném về phía trước”, “dự phóng luôn luôn thể hiện rồi lại luôn luôn dự phóng mãi thêm. Khi hết dự phóng là chết”... Dẫn theo (Trần, 2015, 360).

Nguyễn Phong Việt là không để những tổ tính lãng mạn đi quá xa. Anh luôn biết kiểm chế nó bằng cách đan cài dày những toan tính mưu sinh hằng thường. Đi từ những vụn vặt nhỏ nhoi để dự phóng hạnh phúc đến 100 năm là tình yêu thủy chung đáng mơ ước của bao lứa đôi: *Chúng ta có thể đi bên cạnh nhau 100 năm hay không từ thời khắc này/ đi từ những trẻ thơ cho đến khi đầu bạc/ đi từ những bẽn lêu cho đến lúc cuộc đời buông tay để phai nhạt/ đi từ những cô đơn cho đến ngày không thể xa cách(100 năm).*

Lí giải, cắt nghĩa tình yêu, hạnh phúc là khát vọng muôn đời của bao thi nhân nhưng xưa nay đã có mấy ai? Đến ông hoàng thơ tình Xuân Diệu cũng đành bất lực kia mà: *Làm sao cắt nghĩa được tình yêu (Vì sao, Xuân Diệu)*. Nguyễn Phong Việt thi thoảng có cắt nghĩa về hạnh phúc nhưng không triết lí mà chỉ thường là cảm nhận chủ quan qua khoảnh khắc *sống trải* trong tình yêu. Hạnh phúc đôi khi chỉ là một ao ước có được một cái nhìn giản đơn: *Người ngồi đó và ao ước trong từng ấy tháng năm/ thấy một người ngồi trên chiếc xích đu và đọc sách/ chỉ như thế đã là hạnh phúc... (Có một chiếc xích đu Ở ĐÁU ĐÓ trong cuộc đời)*. Thậm chí, quan niệm về hạnh phúc lắm khi “cực đoan”: *Đừng đi/ nếu có bão giông ta muốn được gánh chịu cùng nhau/ được chết vì người mình yêu thương cũng là hạnh phúc (Đừng đi)*. Hạnh phúc là khát vọng về những điều bình dị sẽ chia, cảm thông trong những trải nghiệm nhỏ nhoi thường ngày: *Những tháng ngày chỉ cần sống cuộc đời bình thường/ nấu cho nhau một bữa ăn/ mua một viên thuốc khi người kia đau ốm/ hay vuốt giùm sợi tóc bay ngang tầm mắt (Bởi vì KHÔNG THỂ quên)*. Với Nguyễn Phong Việt, hạnh phúc đích thực trong tình yêu chân chính không thể tách rời khỏi những mưu sinh toan tính đời thường: *khi lát nữa chúng ta bước ra ngoài giông bão/ rồi chết đi trong cuộc mưu sinh com áo/ mà nào có hay... (Ngoài GIÔNG BÃO)*; *Đừng mơ về đầu đó bầu trời cao/ hãy sống như bao người trong tháng ngày com áo (Đừng đi)*...

Cùng với mã *hạnh phúc*, các mã hiện sinh thể hiện chủ đề *u tư, lo âu* và không thôi *tự vấn* trong tình yêu cùng những trở trăn dự tính cho tương lai là mã hiện sinh xuất hiện dày ở nhiều thi phẩm: *Sẽ không cần những ngón tay núu giữ từng dấu chân người/ không cần nữa những dận dò khi tuyệt vọng/ không cần những lo toan cuộc đời này có phải đáng sống/ không cần tự hỏi*

*mình tại sao phải cô độc (Đừng đi)*. Bản chất dự phóng của con người là *lo âu, bận tâm và ân cần*<sup>6</sup>. Yêu ai trước hết là bị lực hấp dẫn kì diệu của tình yêu dồn mọi cung bậc cảm xúc về người đó. Triết gia hiện sinh gọi đó là mối “bận tâm”. Yêu là khao khát gần nhau, là quan tâm, lo lắng, muốn chăm sóc, muốn làm cho người yêu mình hạnh phúc. Triết gia hiện sinh gọi đó là “ân cần”. Yêu là nhớ nhau khi xa nhau. Tương tự là vì thế được nhân gian gọi là đệ nhất của nỗi nhớ: “Đệ nhất nhớ là nhớ người tình”. Vì thế, một khi đã yêu không thể không *lo âu*. *Áu lo* chính là đặc tính của con người hiện sinh. *Lo âu* là mối *u tư, bận khoăn*, đi tìm giá trị đích thực của tình yêu. Biểu hiện này cũng là một “tổ tính trội” của *nhân vị yêu* trong thơ Nguyễn Phong Việt: *Người sẽ chọn gặp nhau để day dứt nhiều hơn/ biết cảm giác của một người đi nhầm đường đầy hối tiếc/ biết cảm giác đứng giữa trời mưa chợt vỡ òa khi thấy một tia nắng/ biết cảm giác mình không dám buông tay vì đó là hạnh phúc(Cần được sinh ra thêm lần LẦN NỮA)*. Dự phóng hạnh phúc cũng đồng thời xuất hiện với dự cảm những cay đắng, khổ đau: *Sẽ có xót xa đến vào những lúc yên bình/ (...) sẽ có những ngày chán ghét nhiều khê! (Như ngày nào)*. Sao nghe tâm trạng của người xưa, thảng thốt, giật mình vì nhận ra quy luật nghiệt ngã của thời gian: *xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua (Xuân Diệu)?*

Kì thực róng riết cả những dự phóng rủi ro, bất hạnh trong tình yêu như thế, chính là biểu hiện của một trái tim đang yêu tha thiết, biết trân quý từng phút giây hiện tại yên bình. Vì rằng, một khi hết nghĩ về ngày mai hạnh phúc cũng chính là dấu hiện rạn nứt, tan vỡ tình yêu, mối thông giao với *tha nhân* bị đứt đoạn. Qua thống kê *mã hiện sinh* trong *Đi qua thương nhớ*, chúng tôi nhận thấy một điều thú vị, rất cân xứng với các mã hiện sinh về *nhân vị yêu*, về hạnh phúc là số lượng các *mã hiện sinh* thể hiện sự thất bại, vỡ mộng, bị kịch trong tình yêu không hề kém cạnh.

<sup>6</sup>Theo các triết gia hiện sinh, bản chất của dự phóng là lo âu. “Khi ta lo âu về những câu chuyện thì gọi là bận tâm; khi ta lo âu cho những người thân yêu, thì gọi là ân cần. Nhưng tự trung, lo âu, bận tâm, hay ân cần đều ném con người về phía những sự cần phải làm.” (Trần, 2015, 359).

Người tình trong thơ Nguyễn Phong Việt thường thể hiện sự tự vấn, *phản tỉnh* quyết liệt nhưng không dễ để dứt mối tương giao: *Nếu không muốn đi hết con đường.../ thì nên dừng lại, rồi bước đi một con đường khác bằng niềm tin/ đừng bắt ta phải sống cho hạnh phúc của người khác (Nếu KHÔNG MUỐN ĐI hết con đường)*. Ta tỏ ra cương quyết không đi tiếp bằng niềm tin ảo mộng và lừa dối vì *hạnh phúc của ta chỉ là bề ngoài của những giọt nước mắt giữa trời nắng gắt*. Phản tỉnh, đau đớn là vậy nhưng cuối cùng Ta vẫn đành tiếp tục tự dối lừa mình bằng niềm hi vọng vào một phép màu: *nhưng tình yêu nào cũng có giá xứng đáng.../ sao không thử một lần đặt cược với trái tim* (P. V. Nguyễn, 2015, 14). Tình yêu hóa thành “một canh bạc”, “một bàn cờ”.

**Dấn thân**, lựa chọn một con đường vì thế luôn là quyết định đầy khó khăn của nhân vị yêu, một khi giữa hai người có sự rạn nứt mối tương giao: *chọn lặng im hay chọn ồn ào đều là cách lựa chọn trả giá/ không đi tiếp được thì cách tốt nhất là quỳ ngã/ chỉ vậy thôi...* (CÁN MỘT NGƯỜI mùa giùm viên kẹo (2)). Thực ra: *Điều đáng sợ trong tình yêu không phải là lúc con người ta yêu thương đã mất đi/ mà chính là tình yêu ấy không hề giống như ta tưởng tượng/ con người ấy không hề giống như ta vẫn biết*(Đừng trách). Lòng tình nhân thật khó đo, tội cho kẻ chân tình đem tấm lòng vàng dò đáy giếng cạn, nghe tiếng vàng rơi khô khốc lòng quặn đau. Đương nhiên, sự *thông giao* với *tha nhân* trong *ái tình* từ xưa vốn là một trong những điều mong manh nhất. Có muôn lí do để dứt đoạn mối giao kết này. Một khi người yêu bỏ ra đi, cũng là lúc mọi dự phóng về tương lai, về hạnh phúc bị đập tắt phủ phàng. *Mã hiện sinh* thể hiện chủ đề yêu thương mong manh, hạnh phúc như là sợi tơ ảo vọng được đan cài đậm đặc trong *Đi qua thương nhớ* : *Người (nhân tâm) sưỡi ầm một trái tim bằng đôi tay/ bằng những võ vè, tha thiết.../ sao lại còn ném nó trở về với những bông tuyết*(Đã từng); *Và chúng ta đã mất đi.../ những buổi sáng nhiều nắng cùng mây trời/ cứ mắc nghẹn lo toan trên bàn ăn bày sẵn/ mang theo mình mỗi ngày một chiếc khăn mà chẳng thể nào lau hết những hoài nghi chạm mặt*(*Và chúng ta ĐÃ MẤT ĐI*)... Vậy còn cách nào để giữ gìn hạnh phúc, để bảo tồn nhân vị yêu?

Níu kéo, **trì hoãn** thời gian cũng là một cứu cánh. Nói cách khác, *níu trì* quá khứ cũng là một *dự phóng* hạnh phúc, song không phải trong thực tại. Có lẽ đó là lí

do vì sao *nhân vị yêu* trong thơ Nguyễn Phong Việt khôn nguôi hoài vọng quá khứ, *đi qua thương nhớ* nhưng *Người tình* ấy đâu dễ gì vùi sâu thương nhớ: *Ngày nào sẽ là ngày chúng ta chỉ muốn sống với năm tháng bình thường/ đưa đón nhau về lòng vui như câu hát/ chăm chút từng yêu thương để không yêu thương nào là phai nhạt*(*Như ngày nào*). Và khi đã qua nhiều giông bão, đôi khi quan niệm về tình yêu của con người lại đổi thay, bi quan: *chỉ có tình yêu được rồi mất mát/ chỉ có nỗi đau được nhân lên và lòng người chai sạn* (*Đêm về khuya tối* (2)); *nhưng tình yêu bắt ai đó trở thành kẻ vô ơn!* *Bắt đầu của nỗi đau bao giờ cũng là những yêu thương* (*Là lựa chọn đó SẼ KHỔ ĐAU*). Những suy tư mang tính triết lí về tình yêu, về khổ đau này càng chứng tỏ tình yêu đem đến cho con người nhiều cung bậc cảm xúc phong phú.

Quả thực, **níu trì** thật lâu quá khứ, cũng là một phương cách để bảo tồn nhân vị yêu. Vì rằng “Hiện sinh có khi là níu lại quá khứ” (Freud, 2018, 396). Trở về quá khứ, *Người tình* sẽ tìm lại được tất cả, dĩ nhiên là trong hư ảo: *Chúng ta vẫn đứng yên ở đây trong ký ức ngôi nhà đầu tiên/ sao lời hứa chẳng còn ai đến chứng kiến/ (...)/ sao lại nở rứt bàn tay này về lúc bàn tay kia cần được biết/ hạnh phúc có còn ở đây? (Có phải chúng ta đang tự ĐÁNH MẮT ĐI một quãng đời)*. Ngung đọng thời gian, sống trải trong kí ức để mong tìm về những kỉ niệm hạnh phúc. Ngay cả lúc tìm mọi cách níu trì dĩ vãng, nhân vị yêu vẫn biết không thể dối lừa trái tim. Con tim vẫn cảm nhận sự vô tâm quay lưng, ngoảnh mặt của *tha nhân* khi không còn chung một nhịp đập, một con đường. Éo le thay, giây phút khả thể níu trì chính là khoảnh khắc vụn vỡ *nở rứt bàn tay* ngay chính lúc *bàn tay kia cần được nắm chặt*... Phải chăng đây là cái nhìn đồng hiện đổ vỡ thời gian?

Vậy thì trở về với mái nhà xưa là một cách để *Người tình* đau khổ có cơ hội bình tâm trở lại: (...) *một ngày trở về nhà thấy mình như một đứa trẻ cần niềm vui/ được nhìn thấy Má nấu một nồi canh chua cho cả nhà ăn tối/ có Ba ngồi hỏi han với tiếng cười thân quen quá đỗi/ không gian của những cuộc đời gần gũi/ vì cần có nhau (Chỉ là..., vậy thôi!)*. Không gian sống ấy chính là điều mong ước mà mỗi người lớn lên rồi tỏ ám đi tìm tỏ ám của riêng mình. Khi ta vẫn còn bơ vơ, lạc loài thì tìm về tỏ ám xưa, để lắng nghe âm thanh cuộc sống thân quen vẫn mỗi ngày vỗ trong tiềm thức, sẽ là phương thuốc thần diệu xoa vơi nỗi đau.

Có thể nói, *nú kéo tha nhân* ở lại trong tình yêu cũng là một biểu hiện của tình yêu bao dung: *Đừng nói nữa về những lỗi lầm/ đừng nói nữa về chuyện ai phải cần tha thứ/ (...)/ đừng nói nữa về sự chịu đựng của mỗi người là quá đủ/ ngoại trừ yêu thương... (ĐỪNG NÓI NỮA, được không?)*. Rất dễ nhận ra những đặc tính của tình yêu của thời hiện đại, của những người trẻ tuổi, những bon chen, va chạm thường nhật dễ dàng khiến cả hai người tổn thương. Phải cần có một *nhân vị yêu* đủ bao dung, vị tha để *nú trì* dĩ vãng, tạm xóa bỏ thời hiện tại; để lùi về quá khứ, để *dự lán* tương lai. Đây phải chăng là năng lực cần có của con người hiện sinh? *Đã đi ĐI QUA thương nhớ* có thể xem là một bản tình ca (bài thơ đã được nhạc sĩ Phan Thanh Long, Võ Hoài Phúc phổ nhạc), một chuyện tình sống trải với đủ mọi cung bậc cảm xúc của *nhân vị yêu*: *gặp gỡ, yêu mến, thương nhớ, đợi chờ, dự lán khát vọng, hoài nghi, đau khổ, nú trì dĩ vãng...* Đi qua thăng trầm với tình yêu càng tinh ngộ trong cõi đời.

#### 4. Phản tỉnh trong niềm đau - mặc cảm ruộng bỏ và khoái cảm cô đơn

Mã hiện sinh *đau khổ, mắt mắt, tuyệt vọng* chiếm một “tỉ trọng” khá ấn tượng trong hai mươi tác phẩm ở *Đi qua thương nhớ* chúng tôi đã khảo sát:

Mã	cô đơn	khổ đau	tuyệt vọng	sự chết
Số lần	16	49	8	11

Đó là chưa kể các ý/ từ/ câu thơ thể hiện chủ đề tư tưởng này. Người xưa đã từng đúc rút, tột bực đớn đau là đau thất tình, “đệ nhất đau là cái đau tình lỡ”: *từ lúc ta biết nhìn lại và mỉm cười trên những mắt mắt/ là khi ta biết mình bắt đầu sống một cuộc đời vô cảm/ dù bên kia nắng ấm biết bao nhiêu... (Bên kia là NẮNG ẤM)*. Có những khoảnh khắc *phi lý* khi một người từng trải qua tình yêu. Cái *phi lý* này đôi khi đẩy con người một tình cảnh sống tiêu cực? Thực ra không nỗi đau nào giống nỗi đau nào, đời sống tâm hồn vốn vô cùng phức tạp: *Không ai mang những nỗi đau ra so sánh trong tình yêu/ bởi vết thương nào trong tim người cũng không đầy (Bên kia là NẮNG ẤM)*. Cổ nhiên, đau thương, đắng cay trong tình yêu cũng là một phần của đời sống tâm hồn mỗi con người: *khí người trở về với cuộc đời người từng sống/ (...)/ khi người dang tay ra mà trái tim khép*

*chặt/ khi người đau mà không thể khóc.../ ta chỉ biết mỉm cười trong nước mắt! (Bên kia là NẮNG ẤM)*. Chỉ có thời gian mới là phương thuốc hiệu nghiệm để kéo lành những vết thương.

Các mã hiện sinh *khóc*, nước mắt được đan cài dày đặc trong hơn 60 thi phẩm của tập *Đi qua thương nhớ*. Đây là một lí do khiến có nhận định cho rằng thơ Nguyễn Phong Việt quá ủy mị, toàn đón đau và nước mắt? Đúng là thật nhiều đón đau và nước mắt nhưng không hẳn là *Người tình* trong thơ Nguyễn Phong Việt quá yếu đuối, ủy mị. Vì rằng khóc chưa hẳn là yếu đuối (thiền nghĩ, cũng cần gạt bỏ định kiến thiếu bình đẳng giới: đàn ông là không được khóc). Khóc là hành động sống bình đẳng với các trạng thái tâm lí khác. Nước mắt là một biểu tượng của cảm xúc, là dấu hiệu của tâm hồn bị thương tổn: *Khi những đón đau không còn đủ sức để chịu đựng/ khi những nhớ thương, hạnh phúc đã cuộn và lòng như sóng biển/ là khi những giọt nước mắt/ rơi... (Giọt nước mắt)*. Hơn nữa, nước mắt vốn có quyền năng của nó: *Những giọt nước mắt có thể nào đại diện hết cho những giấc mơ/ cho người cần một tình yêu quay trở lại.../ cho người cần thứ tha những lầm lỗi.../ (...)/ cho người cần vứt bỏ hết ngày hôm qua vào vũng tối (Giọt nước mắt)*. Nước mắt có thể là sự giả kì diệu xóa nhòa tức giận, hận thù. Kẻ nào vô tâm với nước mắt của *Người tình*, có lẽ là một minh chứng cho trái tim đã ngừng yêu! Như vậy, các mã hiện sinh của *sự khóc, nước mắt* thể hiện sâu sắc một chủ thể trữ tình đa đoan, nhạy cảm. Một con người bình thường còn cần đến nước mắt, đôi khi, để vỗ về con tim trong cay đắng, thăng bằng tâm trạng, huống chi là một tâm hồn nghệ sĩ?

Vì vô thức đầy ứ khổ đau khiến ý thức bị đè nén, đờ lì: *giữa những yêu dấu đã vỡ vụn trong tay mình/ ta cứ ngồi lặng im thế, và khóc (Cứ ngồi LẶNG IM thế và khóc...)*. Tuy nhiên, rơi nước mắt chưa phải là khoảnh khắc đau đớn nhất. Có những *cái khóc* mà nước mắt chảy ngược vào trong. Và cũng thật đáng sợ là cảm giác muốn khóc mà không thể khóc, ngồi bơ vơ trong cô đơn dẫu dành mình khóc, cầu một giọt nước mắt: *hãy khóc như cả thế gian này có riêng mình phải sống/ khóc đi... (Khóc đi)*. Có nỗi đau nào hơn khi hai *Người tình* đối diện nhau, nắm tay nhau để nói lời đoạn tuyệt, cố dẫn lòng để không rơi lệ: *Từ giây phút chúng ta cùng nhau đứng giữa một con đường/ nhưng mỗi người phải đi về một hướng/ con nắng ban trưa cũng không đủ sức nóng*

*chạm* vào *trái tim lạnh buốt/ chúng ta tưởng như có thể tan ra như từng bông tuyết* (Xin lỗi vì ĐÃ YÊU NHAU). Những câu thơ khiến những ai đã từng đi qua một lần tan vỡ sẽ thấy trái tim mình chạm động dữ dội. Cảm giác tái tê, gai buốt trong tim, ngay cả nhiệt độ giữa trời mùa hè vẫn khiến trong lòng lạnh như *bông tuyết*. Bi kịch này chỉ có thể là nỗi tái tê vỡ mộng tình đầu. Mượn những hình ảnh tốt bụng của sự nóng và lạnh tự nhiên để giải mã những cung bậc tình cảm đau đớn tột đỉnh khi đối diện với bi kịch tình yêu cho thấy khả năng vận dụng ngôn từ tinh tế của Nguyễn Phong Việt. Những câu thơ của chủ thể trữ tình là xúc tác cho những tâm hồn còn yêu nhau nhưng mãi mãi biết mình không thuộc về nhau; nâng niu, trân trọng từng giây phút đã có... Đến đây, đủ dữ liệu để hiểu vì sao thơ anh có sức rung chạm trái tim bao độc giả, không chỉ là những người trẻ tuổi? Tần suất cao của những *mã hiện sinh* diễn tả nỗi đau chia li xuất hiện khá nhiều trong tập thơ *Đi qua thương nhớ* nhưng không hề làm cho thơ bị lụy, sâu khô? Vì rằng, nước mắt, ở tột đỉnh giao thoa xúc cảm, là tận hiến.

Đánh mất *niềm tin* tha nhân dĩ nhiên dễ khiến kẻ tình si rơi vào *tuyệt vọng*: *Không còn tin nước chảy - đã mòn dưới sông sâu/ không còn tin đã bắt đầu thì cần thêm kết thúc/ không còn tin thiên thần là phải có đôi cánh* (TỪNG CÓ ngày như thế); *Người đã đi con đường bước lên theo bậc thang/ có điểm tựa của quãng đời phía trước/ tôi đã đi con đường thấp dần không đoán được/ bước hụt chân là buông mình chìm xuống/ thấy bóng tối cuối đời* (Đã NHÌN THẤY NGƯỜI từ nơi chốn đây)... Sự tổn thương *nhân vị yêu* từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt thường ngày luôn là nỗi ám ảnh, day dứt trong nhiều trang thơ Nguyễn Phong Việt: *Những gì sót lại trong cuộc đời mỗi người/ có thể chỉ là một ngày/ chúng ta mím chặt môi/ (...) để vẫn còn đủ yêu thương phía sau những nặng lời trách móc/ để vẫn còn đủ vị tha cho đôi lần vô tình cay độc/ để vẫn còn len lén nhìn khi người kia sắp òa khóc* (Có thể chỉ là MỘT NGÀY). Một mai rời bỏ nhau, những người tình nhân mới giật mình hiểu rằng, những gì còn lại của tình yêu đôi khi chỉ là một ngày, vui hay buồn, ích kỉ hay vị tha, đáng nhớ hay cần quên,... Tất cả đều là do cách đối xử của *ta* với *tha nhân* trong một ngày. Chất triết lí nhẹ nhàng mà sâu lắng, giọng thơ tâm tình, tự thoại của Nguyễn Phong Việt vì thế có sức lay chạm.

Bi kịch vỡ mộng *ái tình* phải chăng là nguy cơ tàn phá, hủy diệt *nhân vị*? Bi kịch *tình ái* thường đẩy con

người ta đến hệ lụy không còn tha thiết với cuộc sống, chối bỏ tự thân. Đây là biểu hiện của sự sống yếm thế (yếm thế tính) tàn phá hiện sinh: *Có thể chết đi cũng là một niềm vui với những ai không thể tồn tại theo cách của một con người* (CÁNH MỘT NGƯỜI mua giùm viên kẹo (2)). Ngay sau nỗi đau đớn tột cùng chia li thường là sự dẫn dắt, đánh mất niềm tin vào bản thân: *Từng có ngày như thế/ từng có nhiều ngày như thế... Tôi không còn tin - Đã hết tin và cũng chẳng còn tin mình có thể làm người tốt được nữa* (TỪNG CÓ ngày như thế). Và nhiều kẻ tình si thất tình thường muốn tìm đến cái chết, một biểu hiện của nguy cơ hủy diệt *nhân vị*. Vì sao sự tan vỡ mối liên kết *ái tình* lại có sức hủy diệt nhân sinh đến như vậy? Theo phân tâm học, sở dĩ sự thất tình có thể dồn nén, tích tụ cái chết, hoàn toàn là cơ chế tự do là bởi vì sự trầm uất của cái Siêu-Tôi<sup>7</sup>, trở thành bể chứa tích tụ bản năng *chết*. Thất tình, tuyệt vọng do tương tư ở một thái cực khác, luôn là một cái *cớ* để làm bùng phát xúc cảm mãnh liệt của *ái tình*: *Vì trong nước mắt có nụ cười/ Vì trong nỗi đau có niềm vui* (100 năm); *Những ngón tay chạm vào đầu cũng có thể tha thứ được* (Và chúng ta ĐÃ MẤT ĐI). Đây phải chăng mới chính là ý đồ nghệ thuật của Nguyễn Phong Việt khi viết về bi kịch tình yêu? Bằng chứng là cảm giác *tuyệt vọng*, *buông xuôi nhân vị* trong thơ Nguyễn Phong Việt chỉ là những khoảnh khắc bi quan thoáng qua. Mặt khác, nó lại là xúc tác để đánh thức khát vọng luôn âm ỉ cháy. Do đó, thất tình không gây nên dự vị buồn cho thơ anh, nó chỉ điểm cho thơ tình thêm nhiều cung bậc xúc cảm.

Một trạng thái khác của *uru tu* thường xuất phát từ *mặc cảm bị ruồng bỏ*. Đây là một cảm thức hiện sinh mang tính thời đại, một thời đại bơ vơ, bất toàn vì “Chúa đã chết” (Nietzsche). Hoài nghi vốn là kẻ thù giấu mặt đáng sợ của tình yêu: *Là trở về mà lòng nhấc mãi những hoài nghi/ nơi chốn sinh ra có phải là nơi cuối đời mình muốn ở/ chúng ta bước đi với niềm uru tu không có ai làm chỗ dựa/ không có đơn và không buông bả/ không còn nhiều ước mơ...* (Đêm về khuya tối (2)).

<sup>7</sup>Freud cho rằng: “Bản năng chết nguy hiểm của con người chịu những số phận khác nhau: khi thì chúng bị biến thành vô hại nhờ được pha trộn với các yếu tố tính dục, khi thì chúng bị đổi hướng ra bên ngoài dưới một hình thức gây hấn, nhưng đối với phần lớn, chúng hấn là sẽ tiếp tục theo đuổi các công việc bên trong/ nội tâm (...) có thể trở thành một kiểu bể chứa ở đó các bản năng chết tích tụ lại...” (Flym, 2018, 115).

Cảm giác hoàn toàn trống rỗng, không buồn, không vui, không cô đơn, không hi vọng,..., này là một trạng thái đáng quan tâm của triết gia hiện sinh. Đây không hẳn là hệ lụy của tình yêu, nó là một cảm giác *uru tu, âu lo* thường trực của con người hiện đại: hoang mang, mất phương hướng. Dĩ nhiên tình trạng sống có nguy cơ tàn phá *nhân vị*. như thế này chỉ là đôi khoảnh khắc mong manh thoáng qua trong *Đi qua thương nhớ*.

**Phản tỉnh** của Người tình khi tình yêu tan vỡ, khi lạc mất nhau là cần thiết, một khi trái tim đã bình tâm: *Người có biết mình mắc nợ chính bản thân mình/ cứ mãi loay hoay tìm cho ra một điểm tựa/ không phải con người này, không phải ngôi nhà này... mà là ở nơi đó/ với một vòng tay bao dung! (Bởi vì KHÔNG THỂ quên)*. Sự *phản tỉnh* của trái tim có quỹ đạo riêng, không một lí trí nào có thể cản ngăn: *Người vẫn giữ cho riêng mình một khoảng trời/ nhưng đã chôn giấu vào tận góc tâm hồn không có ánh sáng/ người không muốn nhìn lại, không muốn rơi nước mắt... dù trái tim mỗi ngày tự nó làm mưa tuôn... (Bởi vì KHÔNG THỂ quên)*. Phản tỉnh thường đem lại hướng đi tích cực nhưng đôi khi lại là chiều ngược lại: *Bởi vì không thể quên/ nên (không chỉ riêng) ta không thể tự tha thứ được cho chính mình (Bởi vì KHÔNG THỂ quên)*. Phản tỉnh trong thơ Nguyễn Phong Việt thường có tính hướng đến đối thoại, hoặc là tự thoại nhưng có sự phân thân để giải mã bi kịch tình yêu: *Chúng ta chưa bao giờ lừa dối nhau mà chỉ lừa dối bản thân mình (Nói CHO HẾT một lần)*. Phản tỉnh, tự thức, để có thể tiếp tục đưa ra một *dự phóng* mới, là cách giúp cho *nhân vị yêu* trong thơ Nguyễn Phong Việt không buông tay, quỵ ngã dù lắm khi rơi vào tuyệt vọng: *Có một ngày nào đó một người hỏi một người thế nào là yêu thương/ (...)/ Có một ngày nào đó một người hỏi một người thế nào là chia tay?/ (...)/ ... một người nhận ra mình có thể làm một vì sao sáng từ trong tối tăm (CÓ MỘT MÙA ĐÔNG nào đó)*. Phản tư và tự thức khi đi qua thương nhớ là cần thiết để còn thiết tha yêu sống trong đời: *Sống vì mình với nhiều người có thể là một cuộc sống nhân tâm/ nhưng sống vì người chẳng lẽ là một cuộc đời đáng sống? (CÓ ĐƯỢC KHÔNG?)*. Đây có lẽ là một câu hỏi mà tùy trong từng hoàn cảnh, chủ thể sẽ có những đáp án khác nhau. Bởi lẽ, đầu mối của mọi đổ vỡ trong mỗi cuộc tình, mỗi gia đình, xét đến cùng là do lòng ích kỉ: *Tự mình giúp cho mình tránh xa những hoài nghi/ tự mình tạo ra một cuộc đời-sống-không-vì-mình-ở đó/ tự mình chải tóc, tô son đợi mỉm cười vào một*

*ngày chắc chắn sẽ đổ vỡ (ĐỪNG NÓI NỮA có được không)*. Tình yêu muôn đời là mối tương giao mâu nhiệm với tha nhân, không có chỗ cho lòng vị kỷ, nhỏ nhen. Nhưng tâm địa/ hồn của con người vốn là một vũ trụ bí ẩn, đâu dễ gì tầm soát được: *Tâm hồn ta còn u ám hơn đêm/ Ta chưa thấu, nữa là ai thấu rõ. (Xa cách, Xuân Diệu)*. Tâm hồn *tha nhân* cũng là một vũ trụ, thảo nào tình yêu muôn đời mãi mãi bí ẩn - mãi mãi muôn đời hấp dẫn.

Như vậy luôn *phản tư* và *tỉnh ngộ* là năng lực rất cần của kẻ tình nhân muốn bảo tồn *nhân vị*: *Đôi khi biết mình muốn đứng im trong một khuya trời tối đầy sao trời/ (...)/ biết rằng sống cho mình thì đừng đặt nỗi đau lên vai những người khác/ làm ơn đừng bắt ai gánh vác/ chỉ để mình được vui (Chỉ là..., vậy thôi!)*. Đọc những dòng thơ này, có lẽ độc giả thế hệ 6x - 8x sẽ nhớ đến những giai điệu tình yêu đầy chất rock phản tỉnh - vị tha của Bức Tường: *Hỏi chẳng dĩ vãng ấy cần tha thứ/ Để yên lành thời đã xa/ Vết thương xưa nay đâu còn/ Coi như là vậy thôi! (Nếu em hiểu, Trần Lập)*. Những vần thơ này, những giai điệu này chất men say của đời giản dị nhưng đã nói hộ tâm tình của bao người, vậy nên có sức rung chạm.

Con người sẽ *cô đơn* trong *phản tỉnh*, càng *cô đơn* càng cần *phản tỉnh*, để đừng rơi vào tuyệt vọng. Mã hiện sinh *cô đơn* chiếm tỉ lệ khá lớn trong “bản đồ” *mã hiện sinh* được cài đặt trong *Đi qua thương nhớ* nói riêng và ở những tập thơ của Nguyễn Phong Việt (anh còn đặt tên cho một tập thơ của mình là *Sinh ra để cô đơn*). *Đôi mắt, cái nhìn* là đầu mối tương giao nhưng cũng là điểm tận cùng của sự ngăn cách: *Chúng ta giờ nhìn thấy nhau qua khoảng trống của đôi đũa trong giờ cơm khuya/ Nhìn thấy nhau khi một người đã ngủ và một người nằm thức/ nhìn thấy nhau khi rón rén kéo gằn hơn tám chân để tìm hơi ấm (CÓ PHẢI CHÚNG TA ĐANG TỰ ĐÁNH MẮT ĐI một quãng đời)*. Các nhà hiện sinh đề xuất khái niệm **cái nhìn** để diễn đạt mối tương quan giữa chủ thể *nhân vị* (tôi) và *tha nhân*. **Cái nhìn** là đầu mối của sự **thông giao**, tức là tương thông và giao cảm giữa hai tâm hồn, là điều kiện kết nối giữa hai *nhân vị* có cùng một *truy nhận* giao cảm. Trong đoạn thơ, chủ thể trữ tình đã đánh mất đi *cái nhìn* giao cảm của *tha nhân*, chỉ còn *cái nhìn* của đơn nhân/ phương, một chiều, *cái nhìn tha ngã*. Đặt *cái nhìn* của *tôi* vào *tha*

nhân nhưng không phải để thấu cảm tương giao mà để thấu trải nỗi cô đơn và hoài vọng.

**Cô đơn** đôi khi là một niềm khoái cảm. Diễn ngôn này có lẽ có nhiều người đồng tình. Điều này đúng với *nhân vị yêu* trong thơ Nguyễn Phong Việt. Một *nhân vị* áp ú *khoái cảm cô đơn*. *Đơn* với Nguyễn Phong Việt không chỉ *đôi lần* là người đồng hành: là những khi *cô đơn mà không dám nói ra một lời vì sợ trái tim mình tan nát. (Là những khi)*. Buông tay trong tình yêu đồng nghĩa với việc chấp nhận buông trôi *nhân vị*, ta trở nên lạc loài, cô đơn: *Người buông tay để chấp nhận những xót xa/ thử hỏi làm sao thấy cuộc sống còn ý nghĩa (Chỉ cần ĐƯỢC THẤY người cười vui)*. Mua **cô đơn**, lẻ loi, có lẽ là cảm giác “có chất gây nghiện”, đồng điệu của kẻ thất tình: *mỗi giấc ngủ đều muốn mình chết đi trong thiên hà nào đó xa lạ/ không nỡ đợi ai và cũng không bám víu vào ai mặc cả/ sao vẫn không mua được lẻ loi?* (Đã NHÌN THẤY NGƯỜI từ nơi chốn đây). Mới thấy *cô đơn*, lẻ loi đôi khi trong đời chính là bến bờ, là vỏ bọc để người đời chui trốn, một ốc đảo ngôi vị; ở đó mọi *thần tượng* đều lu mờ nên có quyền ngạo nghễ chẳng?

Song hành cùng *cô đơn* là *mặc cảm bơ vơ* làm người ở lại, bị tình nhân *ruồng bỏ*; là một cung bậc cảm xúc được *cái tôi tác giả* giải nén, khai thác trong nhiều thi phẩm của *Đi qua thương nhớ*. Vì *bơ vơ* nên để thoát được nó, kẻ si tình buộc phải quay lại từ đầu *chọn lựa*, *tự quyết* lấy một con đường. Vượt lên nỗi đau bị kịch tình yêu, luôn là thử thách đối với kẻ vong tình, nỗ lực bảo tồn *nhân vị yêu* cũng là điều cần thiết như hướng đến hạnh phúc khi yêu: *cần một khoảnh khắc được thấy mình hồn nhiên như ngày chào đời ngỡ ngàng/ cần một niềm tin đến từ một người chưa hề biết trước/ (...)/ vì mình đã đi qua được lẻ loi... (CẦN MỘT NGƯỜI mua giùm viên kẹo (2))*. Kể từ đó, kẻ si tình quyết **dấn thân** làm lại một hành trình, thậm chí *đi không cần đích đến*. Đây chính là một sự nổi loạn mang “đấu ấn hậu hiện đại”, cũng thường thấy trong thơ Nguyễn Phong Việt: *Bỏ mặc hết từ ước mơ đến niềm đau/ đi một chuyến hành trình chẳng cần đích đến/ đôi chân trần chạm vào cô đơn của hai con người lãng quên định mệnh (Đã NHÌN THẤY NGƯỜI từ nơi chốn đây)*. Và trong niềm lãng du của kẻ si tình quyết không chối bỏ *nhân vị yêu* tự cảm ơn mình, *tôi muốn cảm ơn mình*, vì giữa giông bão vẫn muốn trở lại ngày chưa biết yêu...?

Đương nhiên *từ bỏ*, *vượt lên*, *dấn thân*, đi tìm một tình yêu mới thật không hề dễ dàng với những *nhân vị* lụy trong bi kịch tình yêu: *Nếu được sinh ra thêm lần nữa.../ Người sẽ chọn niềm vui hay đau khổ? / Sẽ chọn thương yêu trong cô đơn hay từ bỏ/ Sẽ chọn vẫn bước đi hay đứng lại chờ một ai đó (Cần được sinh ra thêm LẦN NỮA)*. *Chọn lựa* một *tư cách nhân vị yêu* nếu được sinh ra lần nữa vẫn là một lựa chọn không dễ dàng gì, vì làm sao có thể còn đủ niềm tin: *Người chọn không gặp nhau để mỗi người đều biết lặng thinh/ hay chọn gặp nhau để mỗi người biết rằng cần chia sẻ? (Cần được sinh ra thêm LẦN NỮA)*. Quả thực là những câu hỏi không dễ trả lời, ngay cả một trái tim đã bình lặng đi qua đổ vỡ: *Nếu được sinh ra lần nữa.../ người chắc chọn niềm vui hơn là đau khổ? (Cần được sinh ra thêm LẦN NỮA)*. Dẫu sao, *chọn lựa* một cuộc tình, bắt chấp điều gì phía trước, miễn là trốn chạy khỏi thực tại đầy *hoài nghi* là cách mà *Người tình* quyết *tuyên dự phóng*: *Lựa chọn đó dẫn dắt chúng ta khỏi những xót xa/ (...)/ Là lựa chọn đó xây nên trong chúng ta một chiếc cầu/ (...)/ Là lựa chọn đó sẽ khổ đau/ mà không ai trong chúng ta dám nghi ngờ (Là lựa chọn đó SẼ KHỔ ĐAU)*. Nhân sinh phi lí, con người phức tạp - tình yêu lại là một khối mâu thuẫn, không thể lí giải. “Không gì là không thể”, mọi thứ đều là *khả thể* thật đúng với kiếp nhân sinh. Marcel từng nói “không thể dùng suy tưởng để tát cạn hiện sinh”, điều này thật chí lí đối với muôn cách *chọn lựa* *dấn thân* của *nhân vị yêu*. Bởi lẽ thường khi yêu, con người ta chỉ làm theo “chỉ thị” của con tim?

## 5. “Mã hiện sinh”, *liên kí hiệu* nhân văn - sinh thái

Xã hội ngày nay chứng kiến sự phát triển vượt bậc về khoa học công nghệ. Nhưng khoa học không giải thoát được con người, trái lại con người ngày càng bị nô lệ hóa bởi khoa học: vũ khí nguyên tử, văn minh kĩ thuật, đời sống công nghệ số ảo... “Các hình thức khác nhau của thuyết tất định, chủ nghĩa phục tùng, sự nguy tín, chủ nghĩa công nghệ, và các kiểu đại loại như thế đang thịnh hành trong thời đại chúng ta.” (Flym, 2018, 183). Hệ quả của sự tác động tổng hợp tiêu cực đến các giá trị nhân văn của xã hội chính là *đẩy tha nhân* ra xa nhau, làm xơ cứng những rung động tinh tế trong *tâm thức* (nội tâm) con người. Giới nghiên cứu nhận định mặt trái của *sinh thái 4.0* đang khiến con người “ngày càng đoạn tuyệt hơn những giá trị nhân văn,

những giá trị tinh thần cao cả”. Điều gì sẽ ngăn con người khỏi thảm họa hủy diệt nhân văn? Những giá trị hiện sinh nhân bản có phải là cứu cánh? “Đương nhiên, kí hiệu nhân văn là nền tảng của “cái còn”. Nỗi sợ hãi, nỗi đau tinh thần, niềm uất hận, tình yêu thương, lòng dung thứ, trắc ẩn của con người,... từ lâu đã hình thành nên những kí hiệu mang tính gốc rễ nhân văn bất diệt. Công nghệ dẫu có phát triển đến đâu, muốn tồn tại, thì cũng không vượt thoát được cái phạm trù nhân văn đó” (Lê, 2019, 43). Như nhiều cuộc cách mạng của loài người tiến bộ trong lịch sử, bảo vệ môi trường sinh thái nhân văn trong thời đại 4.0 lần này, văn học nghệ thuật sẽ vẫn là những “chiến binh tiên phong”. Trong đời sống nghệ thuật nước ta những năm gần đây, các hiện tượng thơ văn như Nguyễn Ngọc Tư, Vi Thùy Linh, Nguyễn Phong Việt,..., có vai trò rất quan trọng trong việc kéo bạn trẻ tạm rời khỏi những con “nghiện màn hình” để trở lại với những trang sách, trang thơ dù đó có thể chưa phải là một hành trình đủ sức ám ảnh, đủ sức vẫy gọi; cũng là cơ hội để minh định những giá trị cốt lõi của đời sống đích thực; để sống tích cực và sống đẹp hơn trong tình yêu lứa đôi.

Tình yêu là đỉnh cao cái đẹp nhân văn, cách yêu và già từ tình yêu đều phải đẹp. “Xã hội thiếu tình yêu là một xã hội vô nhân đạo: xã hội thiếu tình yêu xây trên bạo tàn, hoặc xây trên sợ hãi, hoặc xây trên nghi ngờ.” (Trần, 2015, 297). Không thể vội trách nhiều bạn trẻ ngày nay quan niệm lệch lạc về tình yêu trước sự bành trướng, tác động thường xuyên, liên tục của văn hóa đồi trụy từ mạng xã hội. Vì thế, bảo vệ, gìn giữ cái đẹp của tình yêu, của đời sống càng cần đến thiên chức của người nghệ sĩ: *Hãy để chúng ta đưa nhau về như một thói quen/ rồi từ mai sẽ từ bỏ.../ rồi từ mai có thể người sẽ đi về cùng ai đó.../ rồi từ mai một trong hai chúng ta phải học lại cách bày tỏ.../ (...)/ Hãy để chúng ta đưa nhau về trên đường vắng lặng im/ vì nhìn thấy nhau còn hơn vạn lời nói... (Hãy để chúng ta ĐƯA NHAU VỀ...)*. Ai đó đã từng nói, hạnh phúc là điều dĩ nhiên mong muốn thụ hưởng, nhưng niềm khổ đau, chí ít là trong tình yêu, cũng đáng hưởng thụ không kém - khi thời gian qua đi?

Việc sử dụng ở mức độ dày các từ ngữ thắm đẫm chất hiện sinh (*mã hiện sinh*) như đã phân tích ở trên đã giúp Nguyễn Phong Việt chạm động đến rất nhiều giá trị cuộc nhân sinh. Cộng thêm, chất giọng triết lí tự

tin, giàu chất chiêm suy, phản tỉnh của một người từng trải qua những cuộc tình có tính đối thoại, ắt hẳn sẽ tác động sâu sắc đến nhận thức của giới trẻ. Lấy một câu thơ ngắn làm ví dụ: *Ta muốn đánh đổi với cuộc đời nhưng cuộc đời có cho ta đánh đổi đâu (Bên kia là NẮNG ẤM)*. Lấy mã hiện sinh làm hệ qui chiếu ngữ nghĩa, có thể phân tích câu thơ như sau: *ta* – chủ thể tính ý thức *nhân vị*, *muốn* - dự phóng + đánh đổi - tự quyết, tự nhiệm, cuộc đời - hiện cuộc nhân sinh; *muốn đánh đổi với cuộc đời* - thể hiện cái *bản ngã tự qui* mạnh mẽ, ý thức một *nhân vị độc đáo*, khao khát một *dấn thân*, bất chấp số phận, sống hết mình với tình yêu; *nhưng cuộc đời có cho ta... đâu* – *phản tỉnh*, tự ngộ ra cái giới hạn cần gìn giữ của nhân sinh. Ý thơ này có tính đối thoại chan chất với ý câu hát: *Hay là mình cứ bất chấp hết yêu nhau đi (Mình yêu nhau đi, Tiên Cookie)*. Giới trẻ hiện nay đang cuồng loạn với những câu cổ súy lối sống bất chấp như thế này: *mình thích thì mình làm, yêu không có tội...* Hệ quả của những hành vi bất chấp *nhân tính, luân lí*, nhằm lẫn giữa tình yêu - tình dục sẽ là gì? Đời ta là do ta tự quyết. Nhưng *tự chọn, tự quyết* con đường để sống trọn vẹn; quả quyết, dấn thân để đạt đến một “*nhân vị yêu*” đích thực đâu hẳn là bất chấp mọi thứ? Bất chấp tất cả sẽ rơi vào *tha hóa, sa ngã (bản năng tính)*, theo các triết gia hiện sinh, như thế nghĩa và sống gần với hàng súc vật. *Nôn*, đáng *buồn nôn*. Tư tưởng hiện sinh đích thực luôn hướng con người ta đến lối sống *nhân tính*, hoàn thiện nhân cách; không phải là xúi giục người ta sống bừa.

Một yếu tố làm nên cái *Khác* đặc trưng của thơ tình của Nguyễn Phong Việt so với một số nhà thơ thế hệ 8x - 9x đương thời chính là cách chọn chất liệu. Ngay từ đầu, Nguyễn Phong Việt đã không sử dụng yếu tố sex, không sử dụng “cánh nóng” nhằm gây “sốc”, thu hút độc giả. Nhà thơ 8x này chọn khuynh hướng khai thác, khám phá chiều sâu phong phú, tinh vi của đời sống nội tâm, những khả thể lựa chọn đầy ẩn số của mỗi kiếp nhân sinh. Không đưa thơ tình đi đâu xa vời mà tất bật, loay hoay với những bề bộn mưu sinh thường hằng... Điều này hiển nhiên có cơ sở từ quan niệm đúng đắn về con người của văn chương hiện đại. Theo phê bình *phân tâm học hiện sinh*, “Con người cũng là một toàn thể không phân chia; do đó mỗi cử chỉ, hành động của nó dù bé nhỏ, tầm thường cũng bày tỏ một ý nghĩa, một thái độ của con người

hiểu như một toàn thể trước cuộc đời<sup>8</sup>.” (Nguyễn, 2019, 182). Lựa chọn biểu tượng quen thuộc, đời thường, đáng yêu của cộc sống là cách để đưa thơ đến gần mỗi độc giả, dễ tìm thấy sự đồng cảm. Điều này đã giúp Nguyễn Việt Phong đã có những phát hiện mới mẻ, bắt ngòi về hình ảnh, biểu tượng khi viết tình yêu: *Cũng cần một viên kẹo ngậm để cay đắng tan trên đầu môi (...)/ Khi mua một viên kẹo cho ai đó/ hãy nhớ hỏi họ có cần thêm một tiếng cười...! (CẦN MỘT NGƯỜI* mùa giùm viên kẹo (2)). Một viên kẹo cũng giúp bộc lộ sự ngọt ngào (và cả vị đắng) trong tình yêu. Dư vị của cái tình đôi khi chỉ là hình ảnh đời thường như thế này: *chấp nhận một viên đá tan trong tách cà phê cũng là mát mát/ chấp nhận một tiếng cười không hề quý giá hơn một giọt nước mắt (Cần được sinh ra thêm LẮN NỮA)*. Khoảnh khắc nhìn một viên đá tan mà suy tư về mát mát quả là sâu đậm chất hiện sinh. Từ những chi tiết đời thường, dung dị, chủ thể trữ tình đã nói hộ những người đang yêu những cung bậc cảm xúc tâm hồn tinh vi, thâm thúy: *Người xây nên một ngôi nhà với những viên gạch lấy từ trái tim/ những mùa trăng đi qua mà không dám ngủ/ những đêm mưa không dám tựa mình vì sợ hơi ẩm kia từ bỏ/ những lúc cô đơn không dám khóc thành tiếng vì sợ chạm tay vào nỗi nhớ (Có một chiếc xích đu Ở ĐÁU ĐÓ trong cuộc đời)*. Cài đặt dày nhiều mã hiện sinh trong một câu/ đoạn thơ, khiến cho nghĩa của các biểu tượng hiện sinh giao thoa, cộng hưởng, tạo nên chất suy tư, đậm đặc thể sự là cách làm thường thấy của Nguyễn Phong Việt.

*Nhân vị hóa*, tình yêu hóa cho các yếu tố hiện hữu cũng là một cách thức tạo nên một thế giới thâm trầm nhân tình: *Nhưng ngoài kia mưa nắng cũng có niềm đau/ ngoài kia một chiếc lá rơi cũng đòi quyền âm cúng/ ngoài kia một tiếng thở dài cũng thành sấm chớp vang trong lòng ngực (Chỉ cần ĐƯỢC THẤY người cười vui)*. Ý thơ này dễ khiến người đọc liên tưởng đến những nét nhạc Trịnh: *Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau (Diễm xưa, Trịnh Công Sơn)*...

<sup>8</sup>Phê bình *phân tâm học* hiện sinh quan niệm con người “là một vật tự do và bày tỏ những ý nghĩa về cuộc đời trong mọi cử chỉ, sinh hoạt của nó là vì con người thiết yếu ở đời gắn bó với đời.(...) Thực ra con người không thoát khỏi vũ trụ của mình. Khi nhận thức, lúc hành động, con người phải đứng ở vị trí, quan điểm con người để lãnh hội, xây dựng.” Xin xem thêm: (Nguyễn, 2019, 182-186).

Các mã hiện sinh đã giúp nhà thơ cấu tạo nên (hoặc vận dụng sáng tạo) những biểu tượng gắn liền với tình yêu, hạnh phúc (*mã hiện sinh - ái tình*). Hình ảnh *xích đu* xuất hiện trong nhiều thi phẩm: *chiếc xích đu được làm trong tìm một người không còn chỗ để yêu thương một ai khác/ ngoài một con người (Có một chiếc xích đu Ở ĐÁU ĐÓ trong cuộc đời); một chiếc xích đu được làm ra là bởi vì chúng ta sẽ đến và ngồi xuống đó (Đám cưới (2)). Đi qua thương nhớ có hai thi phẩm có nhan đề với hình tượng viên kẹo (CẦN MỘT NGƯỜI mua giùm viên kẹo (1), CẦN MỘT NGƯỜI mua giùm viên kẹo (2)). Chi tiết viên kẹo sẽ ở lại với thơ Nguyễn Phong Việt về sau. Con đường* gợi hành trình *dấn thân* và chọn lựa cũng là một thi ảnh trở đi trở lại trong *Đi qua thương nhớ. Dấu vân tay* có lẽ là một thi ảnh lạ về tình yêu, xuất hiện rải rác trong nhiều thi phẩm: *Trên những dấu vân tay của chúng ta số phận vẽ lên đó những nỗi buồn/ còn niềm vui chúng ta phải tự tìm kiếm lấy (Trên những DẤU VÂN TAY)*. Hình ảnh *chiếc lá* thường gắn với những suy nghiệm về nhân sinh trong tập thơ này. *Chiếc lá* vốn là một biểu tượng văn hóa - nghệ thuật đa nghĩa, tùy thuộc vào ngữ cảnh, tâm cảnh: sự sống - thanh xuân - tàn úa - sự chết... Chiếc lá từ lâu vốn là thi ảnh trong thơ ca, nhất là lá vàng... Nghĩa biểu tượng triết lí nhân sinh này vẫn được sử dụng trong thơ Nguyễn Phong Việt: *những chiếc lá vừa chớm niềm vui đã nhìn ra mát mát/ những chiếc lá mà khổ đau song hành cùng hạnh phúc (Chỉ có NHỮNG CHIẾC LÁ mới biết)*. Nhưng gắn chiếc lá với những biến tấu phức tạp của tình yêu vẫn là cách cảm nhận sáng tạo của Nguyễn Phong Việt: *Trên những con đường chúng ta đi qua có chiếc lá nào biết cách giữ ấm trong ngày mưa/ có chiếc lá nào vẫn xanh từ lần đầu hò hẹn/ có chiếc lá nào khô trên cành mà không hề biết/ có chiếc lá nào rơi vào đúng ngày tháng/ chúng ta rời xa...? (100 năm). Chiếc lá - một biểu tượng - nhân chứng cho những thăng trầm trong tình yêu, có thể xem là một mã hiện sinh được tạo nghĩa trong ngữ cảnh thơ của Nguyễn Phong Việt. Điều này vốn có cơ sở cổ mẫu văn hóa phương Đông: “Ở Viễn Đông”, lá vốn “là một trong những biểu tượng của hạnh phúc và sự phồn vinh” (Chevalier & Gheerbrant, 2016, 503). Hình tượng *chiếc lá* chứng nhân tình yêu giúp nhà thơ chạm đến những ý nghĩa sâu xa của hiện cuộc: *còn chuyện chúng ta có chấp nhận trả giá để rơi chạm đất/ có lẽ chỉ những chiếc lá mới biết (Chỉ có NHỮNG CHIẾC LÁ mới biết)*.*

Ngôi nhà cũng là một biểu tượng (mã ký hiệu) xuất hiện nhiều trong *Đi qua thương nhớ* gắn liền với những cung bậc phức tạp của một mối tình. Thực ra, ngôi nhà vốn là một thi liệu quen thuộc xưa nay trong thơ ca. Nét riêng của Nguyễn Phong Việt là anh thường xuyên sử dụng hình tượng này (đôi khi kết hợp với hình ảnh *hoa hồng vàng*) tạo nên chất mềm mại, ấm cúng, nữ tính của hình ảnh *ngôi nhà tình yêu*. Điều này ngoài cá tính ngôn từ, có lẽ còn xuất phát từ ý nghĩa *cổ mẫu* của biểu tượng văn hóa này: “nhà là con người nội tâm”, “Ngôi nhà cũng là một biểu tượng nữ tính, mang ý nghĩa là nơi ẩn thân, là người mẹ, là sự bảo vệ, là lòng (bụng) mẹ” (Chevalier & Gheerbrant, 2016, 678). Nhân vị yêu trong *Đi qua thương nhớ* thường gắn với một mái nhà ấm cúng khi *hạnh phúc* có đôi, là nơi *yên bình*. Ngôi nhà khi không còn là nơi để hai trái tim cùng muốn trở về, nó lại là biểu tượng của sự *cô đơn*, hoài vọng, thậm chí là *núi trĩ* quá khứ: *Không còn biết ta có muốn trở về ngôi nhà chờ ta nằm xuống với giấc ngủ say/ một bếp quen chờ những tay người đánh thức/ lần nào đó ta bày biện ra một mâm cơm đầy ắp/ rồi tự mình gấp cho mình (Đêm về khuya tối (1))*. Ngôi nhà khiến cho kẻ thất bại trong tình yêu *không muốn trở về mà chỉ muốn ra đi*. Tất cả cũng chỉ tại ngôi nhà chính là nhân chứng cho những tháng ngày hạnh phúc. Dù thất bại trong níu giữ trái tim tha nhân nhưng kẻ si tình vẫn không buông bỏ quyền được làm một *nhân vị yêu*, vẫn khao khát một *mái ấm hạnh phúc*. Vì thế nhà còn là nơi để trở về trong vòng tay bố mẹ của người con sau bao bão giông, thăng trầm: *Về nhà đi/ không thể tự nuôi mình mãi bằng những cuộc rong chơi/ (...)/ Về nhà đi/ ở nơi đó có người sinh ra ta đang mỉm cười (Về nhà đi)...*

Tóm lại, *ngôi nhà, hoa hồng vàng, con đường, đám cưới, chiếc lá, chiếc nhẫn, ngón tay, dấu vân tay, trái tim, ...*, là những biểu tượng đẹp trong thơ tình Nguyễn Phong Việt. Các biểu tượng tình yêu - *mã hiện sinh* này còn theo chân thơ Nguyễn Phong Việt, xuất hiện với mức độ đậm hơn ở những tập thơ sau này: *không phải lỗi của người ta/ khi trả lại chiếc chìa khóa cho ngôi nhà (Đâu phải lỗi của người ta - Về đâu những vết thương, (P. V. Nguyễn, 2016, 10))*; *về phía ngôi nhà từng có trong mơ ước/ cửa sổ mở ra khoảng trời này và hoa hồng vàng trở thành nhiều luống (10 năm đã là gì... - Về đâu những vết thương, (P. V. Nguyễn, 2016, 10))*; *Để những con đường/ dù xa đến thế nào cũng nhìn thấy được bình yên ở cuối chân trời này! (Những con*

*đường - Sinh ra để cô đơn)*; *Ngày đám cưới chỉ là điểm khởi đầu cho một con đường (Đám cưới (9) - Sinh ra để cô đơn, (P. V. Nguyễn, 2015b, 47)*; *Ngày một người làm đám cưới với một người, không ai tin mưa ngập ở trong lòng (Đám cưới (10) - Sinh ra để cô đơn, (P. V. Nguyễn, 2015b, 47))*... Có lẽ, chủ thể tác giả đã rất tâm đắc với những điều bình dị từng gắn bó với tình yêu đời mình, đến lượt mình, chúng hoá thành những thi liệu phát toả trên những trang thơ tình. Nhiều từ/ cụm từ trong các bài thơ của Nguyễn Phong Việt ngay từ khi tập thơ chưa xuất bản (trên các trang mạng) đã rất bắt “trend”, được yêu thích trong cộng đồng mạng, trở thành *diễn ngôn trào lưu* của giới trẻ: *chạm tay vào, bắt gặp một tình yêu, trái tim đã đập nhịp nghi ngờ...*

Nhan đề cũng là một dụng công nghệ thuật của Nguyễn Phong Việt. Nhà thơ đã dụng ý tập trung chủ đề ngay từ những nhan đề. Chúng tôi thử làm một phép khảo sát xác suất, ngẫu nhiên chọn lựa mười nhan đề trong toàn tập thơ như sau: *Chỉ có những chiếc lá mới biết, Nếu KHÔNG MUỐN đi hết con đường, CẦN MỘT NGƯỜI mua giùm viên kẹo (1), Cần được sinh ra thêm LẦN NỮA, Có một chiếc xích đu Ở ĐÁU ĐÓ trong cuộc đời này, Có phải chúng ta đang tự ĐÁNH MẮT ĐI một quãng đời, Còn bao nhiêu lần trong đời SẼ GẤP LẠI NHAU nữa đây, Đã ĐI QUA thương nhớ, Ngoài GIỒNG BÃO, Bởi vì KHÔNG THỂ quên, Cho những trái tim vẫn Ở LẠI chốn này,...* Có khoảng 20 mã hiện sinh hoặc các từ ngữ biểu đạt tinh thần hiện sinh) được sử dụng. Cũng cần lưu ý thêm, việc có ý thức trong cách viết hoa một số từ ngữ trong nhan đề cũng là một thủ pháp tạo nên sắc thái tu từ, thể hiện tính tập trung chủ đề. Không chỉ ở nhan đề, ngay cả đến mục lục, cũng được nhà thơ “chủ ý”. Giờ đến trang mục lục, giả sử che đi phần đánh số trang, độc giả sẽ dễ nhầm đó một thi phẩm (vì nhà thơ không đánh số thứ tự), bài thơ có nhan đề là “Mục lục”: *Ở lại đi - Không phải lỗi của hoa hồng vàng - Chỉ có những chiếc lá mới biết - Chưa bao giờ và không bao giờ - Nếu không muốn đi hết con đường - Mỗi ngày - Từng có ngày như thế - Ngoài giông bão - Bên kia là nắng ấm... Điều này còn thể hiện đậm nét hơn ở các tập thơ sau: *Sống một cuộc đời bình thường; Về đâu những vết thương...**

Chất giọng tâm tình, giàu tự thoại/ đối thoại/ phân thân song thoại, đậm chất triết lí nhuộm sắc điệu hiện sinh là một đặc điểm đáng chú ý trong những trang thơ

tình Nguyễn Phong Việt. Rất nhiều đoạn thơ có chất triết lí tâm tình nhẹ nhàng, sâu lắng: *Trong một cuộc đời bình thường/ sao chúng ta chỉ bằng lòng trả giá cho những điều không thuộc về ước mơ? (Có phải chúng ta đang tự ĐÁNH MÁT ĐI một quãng đời)*. Có những đoạn thơ Nguyễn Phong Việt chạm động sâu xa đến cõi nhân sinh, nói được những điều ai cũng biết nhưng vẫn khiến người ta thấm thía: *Nhưng 100 năm đâu phải chỉ một ngày/ biết được khổ đau nào đến trước để chúng ta chờ đón/ 24 tiếng đặt chân xuống vực sâu cũng đủ làm chúng ta hoảng hốt/ lời hứa 100 năm có khi chỉ vỡ tan trong một giây phút/ từ đó tình yêu lạc loài! (100 năm)*. Ngôn từ dung dị, đản cài tinh tế những mã hiện sinh quen thuộc ai đã từng đi qua thương nhớ cũng từng mượn “nghĩa biểu đạt” của nó để nghiệm suy. Đến lượt mình, Nguyễn Phong Việt vẫn cấp thêm cho chúng những *nghĩa* tinh tế, chạm động: *24 tiếng đặt chân xuống vực sâu*. Kì thực, đâu cần hết 24 tiếng, chỉ vài giây sống trong đáy vực của khổ đau *ái tình* có khi sâu đàng đẵng. *Cái thở ban đầu lưu luyến* bởi ái tình, *Người* thường hay thề hẹn *100 năm*. Vẫn biết chỉ là lời hứa đầu mỗi sao *Người* vẫn đam mê đến vậy? Nhưng *Người thơ - Người tình* Nguyễn Phong Việt đâu có trách giận, bởi lẽ khi ta yêu, ta *dự phóng* hạnh phúc đến *100 năm* là thực lòng, dù chỉ là cái thật của niềm mơ. Thì đâu phải là tội lỗi? Nói chung, lỗi thơ tự do trải dài không câu nệ số chữ, có những bài gần như lời tâm tình, đối thoại, tự thoại, đã giúp nhà thơ triển khai được những *dòng ý thức* miên man bất định suy nghiệm về ý nghĩa đời sống. Tuy nhiên, vận dụng kiểu thơ theo lối *dòng ý thức* trải dài “phi đại” này đôi chỗ gây áp lực cho người đọc. Đây cũng là một biểu hiện của thơ hậu đổi mới. “Thơ trẻ hậu hiện đại ngày nay còn chứng kiến một khuynh hướng khác mang đặc điểm “phi đại/ thậm phòn (hyper) về mặt ngôn ngữ (cái biểu đạt)” (Phan, 2019, 112). Tính *phi đại* ngôn ngữ phải chăng là một dấu ấn hậu hiện đại trong thơ Nguyễn Phong Việt?

Đưa thơ đến gần với xu hướng thẩm mỹ của giới trẻ đương đại là một nỗ lực làm mới thơ của Nguyễn Phong Việt. Đọc nhiều bài thơ, câu thơ của Nguyễn Phong Việt, người đọc phảng phất nhận ra cái “gu” thích “than thở”, phân trần, thậm chí “rên rĩ”, quằn quại vì thất tình trong âm nhạc, phim ảnh, tiểu thuyết ngôn tình hiện nay. Tuy nhiên, cái *Khác* đáng trân trọng của Nguyễn Phong Việt là không rơi vào vào cái lối “rên rĩ”, “van vi” (đặc biệt là của nhạc thất tình đương thời) mà đi sâu

vào những góc ngách tinh vi, khám phá những biểu hiện phức tạp của hiện cuộc. Bằng cách “soi vào” sâu thăm ý nghĩa nhân sinh, khám phá những biến thái nội tâm *tha nhân*, thơ anh đã giữ được trạng thái thăng bằng mong manh giữa ranh giới thẩm mỹ đời thường và thị hiếu tầm thường. Bài thơ *Còn bao nhiêu lần trong đời SẼ GẶP LẠI NHAU* nữa đây là một ví dụ. Đọc nhan đề và nhất là chạm mặt hai câu thơ đầu, nếu đọc giả không hợp với cái “gu” thẩm mỹ thời thượng của những bạn trẻ thích nghe nhạc thất tình, mô-típ chuyện tình tay ba, sẽ “nhún vai”: *Đó là lần đầu tiên trong đời ta cúi mặt/ khi nhìn thấy người bước đi bên cạnh người không phải ta mà là một người khác...* Tuy nhiên, đến dòng thơ thứ ba, cái chất riêng của thơ tình Nguyễn Phong Việt đã cân bằng cảm giác: *Để biết trái tim từ đó mất đi khái niệm về ánh sáng/ để biết cuối cùng cũng phải nhường bờ vai kia cho một ai bước đến (Còn bao nhiêu lần trong đời SẼ GẶP LẠI NHAU nữa đây)*. Bài thơ có những tổ hợp từ, những thi ảnh có thể nói là sáng tạo theo tư duy thơ Nguyễn Phong Việt: *ngày hạnh phúc bỏ rơi*, chính là *ngày biết không có nỗi đau nào là cân đong đo đếm*. Kê vừa nhận ra mình bị phụ tình đã thấm thía một chân lí lạ: *để biết khi tung đồng xu lên là phải chọn làm người thua trước*. Có bao nhiêu người nhờ đến đồng xu để chọn đáp án cho tình yêu như kiểu anh thầy đồ trong truyện dân gian *Tam đại con gà* như thế? Lăn tung xu này thì *thánh thần* vẫn cứ đồng tình “phù trợ” cho *nhân vị* yêu cao thượng: *chọn làm người thua trước* và *ngoảnh mặt đi khi ánh mắt chưa kịp chạm vào lãng quên/ cho người bước đi bên cạnh người nhoèn miệng cười hạnh phúc*. Vẫn biết đó là một điều đã cũ, yêu chân chính là phải làm cho người mình yêu hạnh phúc. Nói thì dễ nhưng có bao người bước vào vườn tình nếm phải trái đắng mà nhoèn miệng cười, độ lượng nhường trái ngọt cho *tha nhân*? Đây quả là không phải là những câu thơ dành cho người hời hợt, với quan điểm *sống đại*, yêu theo kiểu *tình một đêm*. Đây là tiếng nói đòi tri âm, của những tâm hồn đa đoan, đa cảm, chung tình.

Sự giao thoa giữa các mã ngôn từ hiện sinh với *mã ngôn ngữ phân tâm học* và với *mã ngôn ngữ thân xác* cũng là một đặc điểm của ngôn ngữ thơ tình Nguyễn Phong Việt. *Liên văn bản* giữa ngôn ngữ hiện sinh và *ngôn ngữ thân xác* là điều tất yếu. Nội hàm của ngôn ngữ *thân xác* tự nó đã mang tính giao thoa với các *mã hiện sinh*. Những nhóm *mã hiện sinh* như *trái tim/ con tim/ nụ hôn/ môi/ môi hôn,...* - phạm trù *ái tình*; các mã

hiện sinh *nước mắt/ khóc* – phạm trù *đau khổ*; ..., cũng chính là lớp *ngôn ngữ thân xác* được nhà thơ vận dụng có chủ đích khi viết về tình yêu đôi lứa... Tuy nhiên, *ngôn ngữ thân xác* chiếm tỉ lệ không ưu trội trong *Đi qua thương nhớ*. Điểm khác biệt của thơ tình Nguyễn Phong Việt so với một số nhà thơ cùng thời chính là ở việc anh không sử dụng các yếu tố “sex”. Quan điểm này về tình yêu của nhà thơ ở một góc độ nào đấy tương đồng với tư tưởng hiện sinh hữu thân: không đề cao dục tình. “Khi tôi yêu theo dục tình, thì tình yêu đó là yêu chiếm hữu: tôi biến người yêu thành một sự vật rồi (...) chỉ có tình yêu chân chính, tình yêu hoàn toàn không vụ lợi, mới đạt được *người yêu* (...). Một tình yêu như thế hẳn có khả năng cảm thụ người yêu...” (Trần, 2015, 292). Vì thế mà miêu tả rất tỉ mỉ *ái tình* nhưng thơ anh không đậm chất nhục thể, tình yêu không quá lãng mạn xa vời mà rất gần gũi, thân quen. Cũng như tư tưởng hiện sinh và ngôn ngữ thân xác, những khái niệm - phạm trù *phân tâm học* từ lâu đã trở thành những *cổ mẫu* quen thuộc không chỉ trong sáng tạo nghệ thuật, mà phổ biến ngay cả trong lời nói thường nhật. Ví dụ trong diễn ngôn giao tiếp thường ngày, ta vẫn thường nghe những từ ngữ đậm chất phân tâm như: *ấn ức, mặc cảm, vô thức, tiềm thức, giấc mơ*... Những ngôn ngữ chi phối bởi phân tâm học cũng được đan cài có chủ đích trong hệ thống mã nghệ thuật được vận dụng trong *Đi qua thương nhớ*.

Đặc điểm ngôn ngữ giao thoa nhiều *mã ký hiệu* nhân văn sẽ giúp cho ngôn từ tăng tính đa nghĩa (được cấp thêm một hoặc nhiều nghĩa), mở rộng biên độ đồng sáng tạo trong tiếp nhận đa văn hóa. “Chẳng có sự hư cấu có “nghĩa” nào mà lại phi giao tiếp. Có nghĩa, kí hiệu đó luôn được bao bọc trong một khung văn hóa cụ thể. Một khi đã liên quan đến văn hóa thì tất yếu chúng luôn là *liên kí hiệu* (intersignality) tự thân và cả “nguồn phát” (sự sáng tạo) lẫn “đích nhận” (sự tiếp nhận)”<sup>9</sup> (Lê, 2019, 51). Vì thế, dù ý thức hay vô thức, tiếp nhận và giải mã với tư duy *liên ký hiệu, liên văn bản* giữa các *mã hiện sinh, mã ngôn ngữ thân xác, mã ngôn ngữ phân tâm học*,... sẽ giúp tăng cường đáng kể cho sự đồng điệu, đồng sáng tạo.

<sup>9</sup>Các “mã” văn chương được hình thành từ nhiều “nền tảng” và theo những luật nhất định. (...) Không có “sự phổ quát” nhất định này thì không thể nào các “mã” đó được “giải mã”. Xem thêm (Lê, 2019, 50-58).

## 6. Kết luận

“Mã là chức năng xã hội của ký hiệu. Mã là những quy ước nghĩa của kí hiệu, là “điểm nối” nghĩa giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt. (...) Điều quan trọng là cả người phát lẫn người nhận đều có chung một cách dụng mã nào đó thì kí hiệu đó mới có thể hiểu được.” (Lê, 2019, 18). Trải qua một quá trình du nhập, đón nhận, tiếp biến và vận dụng, các *phạm trù hiện sinh* đến nay đã trở thành những *cổ mẫu văn hóa*, những *kí hiệu* nghệ thuật (*mã hiện sinh*) phổ biến trong sáng tạo cũng như tiếp nhận văn chương.

*Đi qua thương nhớ* là tập thơ đầu tay của nhà thơ Nguyễn Phong Việt, tạo nên một hiện tượng xuất bản độc đáo, hiếm thấy trong thời buổi thơ Việt phải chịu tình cảnh *ế ẩm chợ chiều*. Điều gì đã tạo nên hiện tượng xuất bản thơ tình Nguyễn Phong Việt ngay từ tập đầu tay này? Đây không phải là một câu hỏi dễ trả lời. Bài viết này cũng không có dự định đó. Dưới góc độ tiếp nhận bằng tư duy hiện sinh phân tâm, qua việc khảo sát sự vận dụng các *mã hiện sinh*, chúng tôi tập trung giải mã một giá trị của hình tượng cái tôi trữ tình - *Người tình* trong thơ Nguyễn Phong Việt: *sự khẳng định cái tôi nhân vị trong tình yêu - nhân vị yêu*.

“Tình yêu là một huyền nhiệm”. Trong vai một *nhân vị kép* (*nhân vị yêu, nhân vị thi sĩ*) để chinh phục tình yêu, Nguyễn Phong Việt đã giăng đầy các cung bậc cảm xúc yêu đương trong *Đi qua thương nhớ: yêu thương - hạnh phúc - hoài nghi - cô đơn - tuyệt vọng - dấn thân*.... *Người tình si - nhân vị yêu* không chối từ mà sẵn lòng đón nhận tất cả những gì tình yêu trao ban. *Người tình* trong thơ anh đã khẳng định một *nhân vị* độc đáo trong *tình yêu* - một *nhân vị yêu* đi qua những cuộc tình, trải chịu nhiều giống bão vẫn vẹn nguyên một trái tim đầy trắc ẩn, vị tha, đa đoan; *luôn ưu tư, tình thức* trong mỗi giây phút *thông giao, truy nhận* cùng *tha nhân*. *Người tình si* ấy chấp nhận thăng trầm, đắng cay, luôn trân trọng từng khoảnh khắc *sống trải* trong *ái tình*, quyết dấn thân đến cùng để tìm thấy một tình yêu đích thực của đời mình.

*Người tình* trong thơ Nguyễn Phong Việt không yêu đương một cách cuồng dại, bất chấp (điều mà giới trẻ hiện nay đang bội thực) nhưng không thiếu sự đam mê, quỵn rũ. Không cần đến những cảnh “nóng”, không có một yếu tố “sex” nào nhưng *Đi qua thương nhớ* vẫn đủ dư vị nồng nàn, da diết; vẫn đậm chất rạo rức say mê

của ái tình và dĩ nhiên bọn bề những mưu sinh, lo toan thường hằng. Đặc điểm này của thơ anh thể hiện rất rõ nét qua kỹ thuật sử dụng ngôn từ và cách xây dựng hình tượng. Với một tần suất dày những *mã hiện sinh* (nhiều bài thơ *mã hiện sinh* chiếm tỉ lệ đến 50% - 60% trong tổng số ngôn từ được sử dụng), “nhà thơ nghiệp dư” họ Nguyễn này đã đưa thơ tình thật sự gần gũi với đời sống, thổi vào đó cách cảm, cách nghĩ, cách sống, cách yêu, cách ghét,..., của con người thời hiện đại. Với gam chủ là chất giọng tâm tình, nhẹ nhàng, rất nhiều *tự thoại* và *tự thuật*, hoặc *phân thân đối thoại*, đôi khi triển miên tâm tư trong *dòng ý thức* nội tâm bất định; được nâng đỡ bằng mạch ngầm sâu đậm chất triết lí, thơ anh đã chạm động sâu sắc đến những giá trị cốt lõi của kiếp nhân sinh.

Có thể nói, một trong những điểm nhấn của *Đi qua thương nhớ* là khả năng sử dụng đa dạng các *mã nghệ thuật* (*liên kí hiệu, liên văn bản*) mang phức cảm hiện sinh, *vẽ nên trái tim* của *Người - một nhân vị yêu*. Hầu như thi phẩm nào cũng viết về tình yêu, đủ mọi cung bậc của ái tình; nhưng hoàn toàn vắng “sex”... Các yếu tố này cộng hưởng với cá tính sáng tạo, cách bố trí trình bày trang thơ, sức hút của một blogger nổi tiếng, uy tín một cây bút trưởng nhóm của một chuyên mục báo Mục tím,... đã làm nên đặc trưng thơ Nguyễn Phong Việt. Đó phải chăng chính là *cái Khác* làm nên sự độc đáo của *Đi qua thương nhớ*, từng tạo nên sức hút kì lạ, đặc biệt là đối với độc giả trẻ, thế hệ lớn lên trong thế giới phẳng. Tuy vậy, việc chỉ chú trọng vào *thơ tình* vô hình trung đã tạo nên áp lực cho chính nhà thơ: làm sao tránh được sự lặp lại và nhàm chán? Làm sao để không bị “đề bẹp” bởi chính cái *Khác*, cái *mới* do mình tạo ra? Có lẽ, với những tập thơ tình liên tiếp tạo hiện tượng xuất bản (*Sống một đời bình thường; Về đâu những vết thương; Sinh ra để cô đơn...*), nhưng quan trọng nhất vẫn là việc giữ được lửa của người hâm mộ, phải chăng Nguyễn Phong Việt đã ý thức và âm thầm vượt qua giới hạn nghiệt ngã của cái *Khác* này? Sự vượt lên chính mình trong hành trình nghệ thuật là động lực của sáng tạo.

### Tài liệu tham khảo

Bùi, B. H. (2014). Nhân vị diên trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương. *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Phân tâm học với văn học*, 187 - 200.

- Chevalier J., & Gheerbrant A. (2016). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới: Huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số* (Phạm V. C., Trans.). Đà Nẵng.
- Đỗ, L. T. (2012). *Thơ như là mỹ học của cái khác*. Hội Nhà văn.
- Đỗ, L. T. (2020). *Tròng trành và lệch chuẩn*. Hội nhà văn.
- Flym, T. (2018). *Chủ nghĩa hiện sinh - Dẫn luận ngắn* (H. P. Đình, Trans.). Tổng hợp.
- Freud, S. (2018). *Cái tôi và cái nó* (T. M. Thân, Trans.). Tri thức.
- Freud, Sigmund. (1970). *Phân tâm học Nhập môn* (X. H. Nguyễn, Trans.). Khai trí.
- Lê, H. B. (2013). *Văn học hậu hiện đại, lí thuyết và tiếp nhận*. Đại học Sư phạm.
- Lê, H. B. (2019). *Ký hiệu và liên ký hiệu*. Tổng hợp.
- Lê, T. T. (1974). *Hiện tượng luận về hiện sinh*. Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Trung tâm học liệu.
- Liotard, J. F. (2008). *Hoàn cảnh hậu hiện đại* (Ngân Xuyên, Trans.). Tri thức.
- Nguyễn, P. V. (2013). *Từ yêu đến thương*. Văn học.
- Nguyễn, P. V. (2015a). *Đi qua thương nhớ*. Lao động.
- Nguyễn, P. V. (2015b). *Sinh ra để cô đơn*. Văn học.
- Nguyễn, P. V. (2015c). *Sống một cuộc đời bình thường*. Lao động.
- Nguyễn, P. V. (2016). *Về đâu những vết thương*. Hội nhà văn.
- Nguyễn, V. T. (1968). *Ngôn ngữ và thân xác*. Trình Bày - Sài Gòn.
- Nguyễn, V. T. (2019). *Lược khảo văn học, tập III*. Tổng hợp.
- Phạm, T. S. (1958). *Quan niệm nhân vị qua các học thuyết Đông Tây*. Sài Gòn.
- Phan, T. A. (2019). *Văn học Việt Nam đổi mới - Từ những điểm nhìn tham chiếu*. Văn hóa - Văn nghệ.
- Sartre, J. P. (2015). *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản* (H. P. Đình, Trans.). Tri thức.
- Schopenhauer, A. (2014). *Siêu hình tình yêu, siêu hình sự chết* (T. N. Hoàng, Trans.). Văn học.
- Trần, Đ. S. (2016, November 10). *Cái buồn như là phạm trù hiện sinh*. *Trần Đình Sử*. <https://trandinhso.wordpress.com/2016/11/10/cai-buon-nhu-la-pham-tru-hien-sinh/>.
- Trần, T. Đ. (2015). *Triết học hiện sinh*. Văn học.

## “PERSONALISM OF LOVE” IN “DI QUA THUONG NHO” OF NGUYEN PHONG VIET

Bui Bich Hanh, Tran Hai Duong

*The University of Danang - University of Science and Education*

**Abstract:** Love is my magical interrelationship with others on the basis of respect for the personalism. In the context that the “personalism communication” has been fading because human life of time “has been being devoured” by the virtual world; in the situation where the muse seems to be suffering from disgrace due to the rise of “trendy” forms of entertainment, Nguyen Phong Viet's “Di qua thuong nho” has created the phenomenon of “beckoning”. What ever made the Otherness so strange attraction of these love poems? In the perspective of receiving influenced by existential thinking, we realize that a dense density of existential codes is interwoven throughout the book of poems creating a world of love in Nguyen Phong Viet style. The poet has “painted” the Lover's heart with many rhythm variation; he sketched a personalism of love who is passionate love, and is determined to seek his journey to find true and free love. Most of “Di qua thuong nho” is the narrative of the sincere Lover, trendy with the world of art words, not “shocking” by the “sex” elements but very simple with the personalism.

**Key words:** “Di qua thuong nho”; Nguyen Phong Viet; existential code; personalism of love; love.